

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 21

Thiên thứ 10: PHƯỚC ĐIỀN

Gồm có 3 phần: Thuật ý, Hôn kém, Bình đẳng.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Từ khi đức Từ phụ nhập Niết-bàn, các đệ tử được hưởng phúc lành, thay thế hoàng dương trong thời mạt pháp, tùy cơ hóa độ các nước khắp chốn Ta-bà. Nếu nhận thức khác nhau, tuy ở chung nhà, vẫn thấy một Trời xa lạ. Cảm thông cùng giống hết, dù cách đôi ngã vẫn thấy gần gũi tác gang. Thế nên, vừa biết kính tặng, đã khai thông thanh tịnh, mới bố thí mảy mọn, lục độ đã trở nên vô biên.

Thứ hai: PHẦN HÔN KÉM

Như Kinh Ưu-bà-tắc-giới nói: “Đức Phật bảo, phước điền ở thế gian có ba loại:

- 1- Là báo ân điền
- 2- Là công đức điền
- 3- Là bản cùng điền.

Báo ân điền là cha mẹ, sư trưởng và Hòa thượng. Công đức điền là từ khi được nghe pháp cho đến khi chứng quả A-nậu-bồ-đề. Bản cùng điền là tất cả mọi người bản cùng khốn khổ. Đức Phật là hai loại phước điền báo ân và công đức. Pháp cũng thế. Chư Tăng là ba loại phước điền báo ân, công đức và bản cùng. Vì thế, người mới thọ giới cần phải dốc lòng cúng dường Tam bảo. Nếu có người cùng bố thí của cải, phước điền và tâm bố thí bằng nhau, thì phước đức ấy cũng sẽ như nhau. Nếu của cải và tâm bố thí bằng nhau, nhưng phước điền lớn hơn, thì được phước báo lớn hơn. Nếu phước điền và của cải đều ít, nhưng tâm bố thí lớn hơn, thì phước báo cũng lớn hơn. Nếu phước điền và của cải lớn, nhưng tâm bố thí nhỏ thì phước báo cũng không lớn. Nay thiện nam tử! Kẻ sáng suốt, khi bố thí, không nhắm đến phước báo. Tại sao? Vì đã

biết rằng, hễ gieo nhân lành, chắc chắn sẽ hưởng quả phước tốt đẹp”.

Lại nữa, kinh Tăng-già-tra nói: “đức Phật bảo các Bồ-tát đừng mãi rằng, nếu tất cả tam thiên đại thiên thế giới chứa đầy hạt mè, số lượng Chuyển-luân-vương cũng nhiều như thế. Nếu có người cúng dường hết thảy các Chuyển-luân-vương này, công đức không bằng cúng dường một Tu-đà-hoàn. Nếu cúng dường tất cả Tu-đà-hoàn trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, công đức không bằng cúng dường một Tư-đà-hàm. Nếu cúng dường tất cả Tư-đà-hàm. Trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, công đức không bằng cúng dường một A-na-hàm. Nếu cúng dường tất cả A-na-hàm trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, công đức không bằng cúng dường một A-la-hán. Nếu cúng dường tất cả A-la-hán trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, công đức không bằng cúng dường một Bích-chi Phật. Nếu cúng dường tất cả Bích-chi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, công đức không bằng cúng dường một Bồ-tát. Nếu cúng dường tất cả Bồ-tát trong tam thiên đại thiên thế gian ấy, công đức không bằng phát tâm thanh tịnh cúng dường một đức Phật. Nếu phát tâm thanh tịnh cúng dường tất cả chư Phật trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, công đức không bằng cúng dường một kẻ phàm phu phát tâm nghe pháp môn này, hướng gì sao chép, đọc tụng thọ trì? Bấy giờ, tất cả đại chúng bạch đức Phật rằng: “Thưa đức Thế-tôn, phước đức của một đức Phật lớn đến thế nào?” Đức Phật đáp rằng: “Thí dụ số lượng tất cả chúng-sinh nhiều như các hạt bụi nhỏ nhồi khắp hà sa thế giới đều biến thành các Bồ-tát thập địa, tất cả công đức của hết thảy các Bồ-tát thập địa này cũng không sánh bằng công đức của một đức Phật”.

Lại nữa, kinh A-tỳ-đàm-cam-lộ-vị nói rằng: “Phước đức có ba loại:

1. Là đại đức điền.
2. Là bản khổ điền
3. Là đại đức bản khổ điền.

Đại đức điền là gì? Ấy là Bích-chi Phật và các Sa-môn chứng quả. Sao gọi là bản khổ điền? Ấy là các chúng-sinh và những người già yếu bệnh hoạn. Sao gọi là đại đức bản khổ điền? Ấy là các Thánh Tăng và những người già yếu bệnh hoạn. Nếu bố thí cho đại đức điền với lòng cung kính, sẽ được phước báo lớn. Nếu bố thí cho bản khổ điền với lòng thương xót, sẽ được phước báo lớn. Nếu bố thí cho đại đức bản khổ điền với lòng cung kính và thương xót, sẽ được phước báo lớn. Như thế gọi là phước điền tốt. Thế nào gọi là vật tốt? Không giết hại, không trộm cắp, không lừa dối mà có, tùy khả năng sở hứa ít nhiều vật tinh khiết,

đem ra bố thí, gọi là vật tốt. Nếu bố thí đức Phật, lập tức sẽ được mọi phước báo. Nếu bố thí chư Tăng, được thọ dụng, sẽ được mọi phước báo. Nếu chư Tăng chưa thọ dụng, sẽ không được mọi phước báo. Nếu cúng dường pháp, sẽ được mọi phước báo. Nếu đem pháp cúng dường những người tu học thông minh, trí tuệ sáng láng, gọi là cúng dường pháp. Bố-thí thì được giàu có, thọ thì lại càng được vui vẻ, sức khỏe và tuổi thọ. Công đức càng cao, sẽ được phước báo càng lớn. Nếu bố thí cho loài vật, sẽ hưởng được phước báo trăm đời. Nếu bố thí cho người xấu sẽ được phước báo nghìn đời. Nếu bố thí cho người tốt sẽ được phước báo nghìn vạn đời. Nếu bố thí cho kẻ phạm đã lìa dục, sẽ được phước báo nghìn vạn ức đời. Nếu bố thí cho bậc đắc đạo, sẽ được phước báo vô lượng kiếp. Nếu bố thí cho đức Phật, sẽ được nhập Niết-bàn. Lại nữa, bố thí có sáu loại:

1. Là bố thí do kiêu ngạo.
2. Là bố thí do cầu danh
3. Là bố thí do ý thị vào sức lực
4. Là bố thí do ép buộc
5. Là bố thí do nhân-duyên
6. Là bố thí do trông mong vào phước báo”.

Lại nữa, kinh Phật thuyết-hoa-tụ-đà-la-ni nói: “Đức Phật bảo nếu lại có người đem thất bảo lớn như núi Tu-di bố thí cho các Thanh văn và Bích-chi Phật suốt một kiếp, công đức cũng không sánh bằng có người xuất gia hay tại gia đem một đồng tiền bố thí cho người mới phát tâm Bồ-đề. Công đức trên không bằng một phần nghìn của công đức này, thậm chí không thể tính toán, so sánh nổi”.

- Kinh Bảo-lương nói: “Đức Phật bảo: “Này, các thiện nam tử! Nay ta nói trên thế gian có hai hạng người đáng được bố thí:

1. Là những người tu hành tinh tiến.
2. Là những người đã giải thoát.

Có ba loại bố thí khiến cho thí chủ được phước báo:

1. Là thường bố thí thức ăn.
2. Là bố thí phòng ốc cho chư Tăng.
3. Là có từ tâm. Trong ba loại này, từ tâm đứng đầu”.

Lại nữa, kinh Bồ-tát-bản-hạnh nói: “Tu-đạt nhà cửa nghèo nàn, không có cửa cải, nhưng thuần thành nhân đức. Đức Phật dạy phép bố thí, tu-đạt bạch rằng: “Bố thí nhiều hay ít?” Đức Phật dạy: Có loại bố thí tuy nhiều, nhưng được báo ít. Có loại bố thí tuy ít nhưng được phước báo nhiều, như bố thí tuy nhiều, nhưng không có thành tâm, ngã mạn

tự đại, tin tưởng tà thuyết đảo điên, không bố thí cho các bậc tu hành tinh tiến, nên được phước báo ít ỏi. Giống như ruộng xấu, gieo hạt thật nhiều, nhưng thâm hoạch rất kém. Sao gọi là bố thí ít, nhưng lại được phước báo nhiều? Ấy là phép bố thí ít, nhưng có lòng vui vẻ, cung kính, không mong đợi trả ơn và bố thí cho chư Phật, Bích-chi Phật cùng các Sa-môn chứng quả. Thế nên, dù bố thí ít, nhưng được phước báo nhiều, giống như ruộng tốt, gieo hạt dù ít, nhưng thu hoạch rất nhiều”.

Lại nữa, luận Trí-độ nói: “Đem tâm đại bi bố thí, phẩm vật tuy giống nhau, nhưng được phước báo nhiều ít, tùy thuộc vào tâm ấy mạnh hay yếu. Giống như Xá-lợi-phất đem một bát cơm cúng dường đức Phật, đức Phật lại đem bát cơm ấy bố thí cho chó, rồi hỏi Xá-lợi-phất: “Ông đem bát cơm cúng dường ta, ta lại đem cho chó, ai được phước báo nhiều hơn?” Xá-lợi-phất thưa: “ Như tôi hiểu ý của đức Phật, đức Phật bố thí cho chó được phúc nhiều hơn. Phật điền lớn nhất, không gì bằng bố thí cho chó”. Do đó, có thể biết rằng, phước báo lớn nhỏ do tâm chứ không do phước điền. Giống như tâm của Xá-lợi-phất, dù lớn gấp nghìn vạn ức lần, cũng không bằng tâm của đức Phật. Tại sao? Vì tâm là chủ thể bên trong, còn phước điền chỉ là sự vật bên ngoài mà thôi.

Cũng có trường hợp phước báo của bố thí lớn nhỏ tùy thuộc vào phước điền. Như ngày xưa, A-la-hán Úc-nhĩ đem một bông hoa bố thí ở tháp Phật, được hưởng phước báo chín mươi một kiếp an lạc trong các cõi Trời người, phước báo còn lại giúp chứng thêm quả A-la-hán. Cũng giống như vua A-du-ca lúc thiếu thời, đem năm đất bố thí đức Phật, sau này được phước báo làm vua cõi Diêm-phù-đề, xây nên tám vạn ngôi tháp và cuối cùng đắc đạo, vật bố thí ấy hết sức tầm thường và tấm lòng trẻ thơ còn quá nhỏ bé, nhưng nhờ phước điền rất lớn, nên được hưởng phước báo lớn lao. Nên nhớ phước báo lớn do phước điền tốt đẹp sinh ra. Trong hai truyện lớn và vừa kể trên, ba yếu tố tâm vật và phước điền đều đầy đủ, tốt đẹp giống như lúc đức Phật rải hoa cúng dường đức Phật khắp mười phương.

Hỏi: “Làm thế nào cho phước báo bố thí ấy Tăng thêm?”

Đáp: “Nên bố thí đúng lúc thì phước báo sẽ Tăng thêm. Theo kinh nói, nếu bố thí lúc đó khát, phước báo sẽ Tăng thêm. Hoặc bố thí thường xuyên, hoặc nghĩ cách bố thí chổ khách xa đi đến, như nơi hiểm trở, đường vắng, phước báo sẽ được Tăng trưởng lớn lao hơn”.

Lại nữa, kinh Tăng-nhất-A-hàm nói: “Bố thí thức ăn cho súc vật sẽ được phước báo gấp trăm lần. Bố thí thức ăn cho người phạm giới, sẽ được phước báo gấp nghìn lần. Bố thí thức ăn cho người giữ giới, sẽ

được phước báo gấp vạn lần. Bồ thí thức ăn cho đạo sĩ diệt dục, sẽ được phước báo gấp nghìn vạn lần. Bồ thí thức ăn cho Tu-đà-hoàn, sẽ được vô lượng phước báo, huống chi bồ thí thức ăn cho bậc Tư-đà-hàm đã chứng quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm đã chứng quả A-na-hàm, A-la-hán đã chứng quả La-hán, Bích-chi Phật đã chứng quả Bích-chi Phật, sẽ được phước báo vô lượng vô biên, không thể tính toán nổi!”

Lại nữa, luận Trí-độ nói: “Ngày xưa, trong thành Phất-ca-la thuộc nước Đại Nguyệt. Chỉ có một họa sư tên là Thiên-na, sang phương đông ở trọ trong nước Đa-sát-thi-la để vẽ mướn suốt mười năm, tích lũy được ba mươi lượng vàng, bèn mang về nước. Đến thành Phất-ca-la, nghe tiếng trống đại hội, mau bước đến xem. Thấy chư Tăng thuần thành, thanh tịnh, liền hỏi tri sự: “Đại chúng chi dụng một ngày hết bao nhiêu?” Tri sự đáp: “Hết ba mươi lượng vàng”. Thiên-na lấy hết số vàng giao cho tri sự: “Nhờ tri sự giúp tôi lo liệu một ngày ăn cho đại chúng. Ngày mai, tôi sẽ về tay không”. Đến nhà, vợ ông ta hỏi: “Làm suốt mười hai năm, kiếm được bao nhiêu?” Thiên-na trả lời: “Được ba mươi lượng vàng”.

Vợ hỏi gấp: “Để ở đâu?”

Đáp: “Đã đem làm hạt giống trong ruộng phước”.

Vợ hỏi gần: “Ruộng phước gì vậy”.

Đáp: “Là bồ thí cho chư Tăng”.

Vợ tức giận, trối tay dẫn đến quan xin trị tội. Đại quan tư pháp hỏi: “Chuyện gì đây?”

Vợ đáp: “Chồng tôi ngu si điên khùng, làm suốt mười hai năm được ba mươi lượng vàng, không thương xót vợ con, đã đem cho người khác hết sạch. Theo pháp luật, tôi trối dẫn đến đây”. Đại quan hỏi Thiên-na: “Tại sao nhà ngươi không đem vàng nuôi vợ con, lại đem cho người khác?”

Đáp: “Tổ tiên tôi không làm công đức, nên đời này tôi bị nghèo khổ, chịu nhiều đắng cay. Nay gặp phước điền, nếu không trồng phước, đời sau cũng sẽ nghèo nàn. Đời đời kiếp kiếp sẽ nghèo mãi, không bao giờ thoát khổ. Vì muốn dứt bỏ số kiếp nghèo nàn, nên tôi đã đem số vàng bồ thí cho chư Tăng”. Đại quan ấy vốn là một cư sĩ hết lòng tin tưởng vào đức Phật và giữ giới rất thanh tịnh, nên vừa nghe Thiên-na nói xong bèn ca tụng rằng: “Làm được như thế rất khó! Khổ công bao nhiêu năm mới gom góp được chút ít, làm đem bồ thí hết cho chư Tăng. Nhà ngươi đúng là người có thiện tâm”. Đại quan lập tức mở chuỗi anh lạc đang đeo, con ngựa đang cưỡi và đem một trang trại tặng cho thiên-

na rất nghèo khó, rồi nói rằng: “Khi nhà người mới bố thí, dù chư Tăng chưa ăn uống, ví như hạt lúa chưa đem làm giống, nhưng mầm đã sinh ra, nên quả phước lớn lao cũng kịp đến theo sau”. Do đó, có thể bảo rằng, nếu đem tất cả những vật khó kiếm ra bố thí, thì sẽ được phước báo nhiều nhất”.

Thứ ba: PHÂN BÌNH ĐẲNG

Theo luận Đại Trang Nghiêm nói: “Khi chọn phước điền, nên chọn theo tiêu chuẩn đạo đức, không nên chọn theo tuổi tác lớn nhỏ, già cả. Đức Phật bảo, ta nghe ngày xưa có một thí chủ nhờ vị tôn túc lên chùa mời chư Tăng, chỉ chọn những vị già cả, không chọn những người nhỏ tuổi. Vì thế, khi mời chư Tăng vị tôn túc bỏ lại các Sa-di. Các Sa-di liền hỏi: “Tại sao không chọn chúng tôi?” Vị tôn túc đáp: “ Ý thí chủ muốn thế, không phải do ta”. Rồi nói kệ rằng:

*“Tuổi cao có đạo đức,
Tóc bạc với da môi,
Mày dài, răng rụng bớt,
Lưng gù, chân tay cong.
Thí chủ thích lựa thế.
Không muốn chọn trẻ con”.*

Bấy giờ, các Sa-di trong chùa đều chứng quả A-la-hán, nghe nói thế, cùng bảo rằng, thí chủ ấy tâm tối ngu si, không mến chuộng đạo đức, chỉ ham tuổi tác già nua, bèn nói kệ rằng:

*“Đáng gọi là trưởng lão,
Không phải ở tóc bạc,
Da môi, răng rụng sạch,
Ngu si thiếu trí tuệ,
Cốt yếu ở tu phúc,
Trừ diệt mọi điều ác,
Tu tập mọi phạm hạnh,
Mới gọi là trưởng lão.
Ta không chấp khen chê,
Không còn tâm phân biệt,
Nhưng để thí chủ ấy
Phải mang lấy tội lỗi,
Vì phỉ báng, phân biệt
Đối với Tăng phước điền,
Nên phải mau đi đến.*

Giúp đỡ thí chủ ấy,
 Không đọa vào đường ác.”
 Các vị Sa-di ấy
 Liền dùng sức thần thông,
 Hóa thành những người già,
 Tóc bạc với da mồi,
 Mày dài, răng rụng hết,
 Gầy gò chổng gậy bước
 Đến nhà thí chủ ấy.
 Thí chủ vừa trông thấy,
 Lòng hết sức vui mừng,
 Thắp nhang rải hoa thơm,
 Mau miệng mời ngồi xuống.
 Liền đó, chẳng bao lâu,
 Lại hiện thành Sa-di.
 Thí chủ rất kinh ngạc,
 Vì phép biến hóa ấy.
 Nhờ uống cam lồ thần,
 Dung nhan vụt biến đổi?”

Bấy giờ, các Sa-di nói rằng: “Chúng tôi không phải Dạ-xoa, cũng không phải La-sát, vì thấy trước đây thí chủ chọn lựa các vị già cả trong Tăng phước điền tuổi tác lớn nhỏ, sẽ tổn thất thiện căn, nên làm phép biến hiện ấy để cảm hóa thí chủ”. Dứt lời, liền nói kệ rằng:

“Giống hệt vôi muối nhỏ
 Muốn hút hết biển lớn
 Thế gian không lường nổi
 Công đức của chư Tăng.
 Không ai có thể lường,
 Công đức của chư Tăng,
 Hướng gì thí chủ đây
 Muốn lường công đức ấy!”

“Thí chủ há không nghe đức Phật dạy, có bốn thứ không thể khinh thường, là hoàng tử nhỏ, rồng con, lửa tàn và các Sa-di. Giống như quả am-la ngoài chín trong sống, ngoài sống trong chín, đừng đánh giá nông nổi người đứng trước mặt ta. chỉ trong một niệm, họ đã có thể đắc đạo rồi. Thế nên, đối với Tăng phước điền, đừng đem lòng phân biệt tuổi tác lớn nhỏ”. Rồi nói kệ rằng:

“Công đức chư Tăng lớn,

Không ai ước lượng nổi.
 Đức Phật còn khen ngợi
 Bằng hàng trăm bài kệ,
 Huống gì những người thường,
 Lại không biết tán thán?
 Tăng phước điền ruộng lớn,
 Trồng ít, thu hoạch nhiều.
 Vì thế, với chư Tăng,
 Già cả và nhỏ bé,
 Đều cúng dường như nhau,
 Đừng đem lòng phân biệt”.

Bấy giờ, thí chủ nghe xong, tóc râu đều dựng lên vì run sợ, quỳ mọp xuống sát đất xin sám hối”.

Tụng rằng:

Thông đạt bốn quả,
 Hiểu thấu sáu tình.
 Huyền cơ đốn ngộ,
 Chứng đạo thông thân.
 Trẻ già hòa thuận,
 Cung kính tinh thành.
 Tùy duyên hiến cúng,
 Hóa độ u linh.

Thiên thứ 11: QUY TÍN

Gồm có 3 phần: Thuật ý, Thành tâm nhỏ, Thành tâm lớn.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Đức tin là ngọn nguồn của công đức vào đạo; trí tuệ là căn bản của giải thoát xuất trần. Không có đức tin, không thể bước lên bệ pháp; không có trí tuệ, không thể dứt bỏ mê mờ. Chân lý hiển nhiên này luôn luôn diễn ra trước mắt. Thường thấy kẻ ngu si không tin nghiệp nhân có thể sinh ra quả báo, cho giàu nghèo là chuyện tự-nhiên, sướng khổ là bởi thiên tính, xấu đẹp không do nhân nhục, giận hờn; sang hèn không liên quan đến cung kính, lưỡi biếng. Mọi người ngẫu nhiên chịu lấy, cũng giống như cây cỏ tốt xấu, vốn bởi tự-nhiên, chẳng hề dính dáng đến lý nhân quả. Nay theo kinh Phật, khác hẳn với bọn ngoại đạo nói trên, chủ trương giàu nghèo gốc ở nghiệp duyên, sang hèn không do vận mệnh, ngu trí không thể biến đổi, xấu đẹp không thể thay hình. Thế nên, kinh nói: “Quả báo tốt xấu, định rõ ở nghiệp”. Thư nói: “Tướng số tốt xấu, đã nêu tại Trời”. Do đó, có thể nói rằng, người chịu nghiệp nghèo, giúp mấy cũng không khá; kẻ hưởng phước giàu, bỏ bê cũng vẫn đủ đầy. Xưa, vua Hán văn đến vì giấc mơ nên sủng ái Đặng Thông. Thấy tướng đoán Đặng Thông số nghèo, phải chết đói. Nhà vua phán: “Giàu có do ta quyết định, làm sao có thể nghèo được?” bèn ban cho núi đồng mặc sức đúc của. Về sau mắc nạn, phải bỏ trốn. Quả nhiên chết đói ở nhà dân. Lại nữa, Ninh Bẩm Ly vương có nô tỳ mang chữa, thầy tướng đoán, sinh ra con quý, mai sau làm vua. Nhà vua phán, không phải dòng giống nhà ta, muốn đem giết chết. Nô tỳ thưa, do khí thiêng từ Trời giáng xuống, nên mới mang thai. Đến ngày sinh, nhà vua cho là chuyện chẳng lành, sai ném vào chuồng heo thì heo khịt mũi bỏ đi. Liệng vào tàu ngựa thì ngựa mẹ nằm xuống cho bú. Về sau, quả nhiên làm vua đất Phù Dư. Mới biết, nghiệp duyên mệnh vận đã ngấm ngấm định sẵn, không thể cải biến đổi thay. Làm thiện sẽ được phước đức, làm ác phải chịu tai ương. Nghiệp báo đã rành rành trước mắt, cơ sao vẫn ngu muội không biết, không hay? Lại nữa, xưa kia, dưới đời vua Vũ Đinh, đất bạc có cây lúa và cây dâu cùng mọc chung ở sân châu, quan thái sử đoán rằng, cây hoang mọc ở sân châu, vương triều sẽ bị tiêu diệt. Nhà vua sợ quá, nghiêng mình sửa đức, cây lúa và cây dâu dần dần chết khô. Nhà Thương nhờ thế mới được trung hưng. Há chẳng phải làm lành sẽ được hưởng phước hay sao? Lại nữa, vào đời Đế Tân, có chim sẻ sinh ra quạ con ở góc thành, quan thái sử đoán rằng, nhỏ sinh ra lớn, nước nhà chắc chắn sẽ thịnh vượng. Vua Đế Tân ngã mạn tàn bạo, không lo

tu sửa đường lối chính trị thật tốt lành, nhà Thương liền mất nước. Há chẳng phải làm ác sẽ bị tai họa hay sao? Dẫn chứng như thế cũng đã tỏ tường. Sao còn ngoan cố làm trái lịch sử? Mọi người đều thấy, mùa xuân có trồng trọt, mùa đông mới có cất dành. Giống như có bố thí, ắt phải hưởng phước báo. Có ra tay cứu giúp kẻ khốn cùng, hẳn phải có ngày được đền ơn xứng đáng. Nay nếu đem cúng dường chư Tăng một bữa cơm chay há chẳng có ngày được hưởng phước báo?

Thứ hai: PHÂN THÀNH TÂM NHỎ

- Như trong kinh Niết-bàn, đức Phật có nói: Chúng-sinh có hai hạng:

1. Là người có đức tin
2. Là người không có đức tin.

Người có đức tin gọi là có thể giáo hóa, sẽ được vào cõi Niết-bàn, không bị tai ương tật bệnh. Người không có đức tin gọi là xiển đề, còn gọi là không thể giáo hóa”.

Lại nữa, trong kinh Tạp-A-Hàm, đức Phật có nói kệ cho người Bà-la-môn rằng:

*“Đức tin là hạt giống,
Khổ hạnh là mưa rào,
Trí tuệ là tay cày,
Hổ thẹn là bắp cày,
Chánh niệm để giữ mình,
Như thế là cày giỏi.
Giữ gìn thân và miệng
Cẩn thận chuyện ăn uống.
Thẳng thắn là chân thừa,
An nghỉ không lười biếng,
Tinh tiến không buông tuồng,
Đi thẳng không quay lại,
Đến chỗ hết lo âu.
Người cày ruộng như thế,
Sẽ được quả cam lộ
Người cày ruộng như thế,
Được thành thơi tự tại”.*

Bấy giờ Bà-la-môn nghe kệ xong, liền phát tâm xuất gia, chứng được quả A-la-hán”.

Lại nữa, luận Thật-tính nói: “Vì sáu hạng người, nên phải nói đến

Tam bảo:

1. Là bậc Điều ngự sư,
 2. Là pháp của bậc Điều ngự sư.
 3. Là đệ tử của bậc Điều ngự sư.
- 6 hạng người là gì?
1. Là hạng đại thừa
 2. Là hạng trung thừa
 3. Là hạng tiểu thừa
 4. Là hạng tin Phật,
 5. Là hạng tin pháp
 6. Là hạng tin Tăng”.

Lại nữa, kinh Tăng-già-tra nói: “Bấy giờ, hết thấy các Bồ-tát dũng mãnh bậc đức Phật rằng: “Thưa Thế-tôn, vì nhân-duyên nào, tất cả chúng-sinh trong pháp hội này đều phát tâm Bồ-đề?” Đức Phật đáp: “Này các Bồ-tát dũng mãnh! Vào vô lượng kiếp trong quá khứ, có đức Phật tên là Bảo Đức ra đời hóa độ. Bấy giờ, ta là con nhà nho và chúng-sinh trong pháp hội đương thời đều trụ vào trí tuệ của chư Phật. Được thế, là do vào thời quá khứ xa xưa hơn nữa, tất cả chúng-sinh ấy đều làm loài nai. Bấy giờ ta phát nguyện rằng: “Đối với tất cả bầy nai này, ta đều làm cho an trụ vào trí tuệ của đức Phật”. Tất cả bầy nai nghe xong, đều phát nguyện được như thế. Này, các Bồ-tát dũng mãnh! Tất cả đại chúng trong pháp hội hôm nay, nhờ vào căn lành ấy, đều sẽ chứng được quả A-nậu-Bồ-đề”.

Lại nữa, kinh Chánh-pháp-niệm nói: “Nếu có chúng-sinh tu thiện, đem lòng thanh tịnh quy ý Tam bảo, trong khoảng mười cái vỗ tay, không sinh tạp niệm, khi mệnh chung, sẽ được vãng sinh về cõi Trời Bạch Ma-ni, tâm ý tận hưởng mọi thứ vui ngũ dục. Nhờ công đức quy y này, khi hết phước báo, sẽ được nhập vào cõi Niết-bàn”.

Lại nữa, kinh Vô-Thượng-Xứ nói: “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, có ba chỗ Vô thượng:

1. Là chỗ Phật Vô thượng.
2. Là chỗ pháp Vô thượng
3. Là chỗ Tăng Vô thượng.

Các chúng-sinh thuộc các loài hai chân, bốn chân không chân hay nhiều chân, thuộc loài có hình tướng, không hình tướng, hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng, Như-lai đem giảng giải các chỗ Vô thượng ấy, nếu những chúng-sinh ấy khởi phát đức tin vào đó, sẽ được phước báo Vô thượng trong các cõi Trời, người”.

Thứ ba: PHẦN THÀNH TÂM LỚN

Như kinh Xuất sinh-Bồ-đề tâm nói: “Bấy giờ, Bà-la-môn Ca-diếp bạch đức Phật rằng: “Thưa đức Thế-tôn, người phát tâm Bồ-đề sẽ được chừng bao nhiêu phước đức?” Đức Phật bèn đáp kệ rằng:

*“Các chúng-sinh trong quốc độ này,
 Nếu có tín tâm và giữ giới
 Số lượng phước đức tối thượng ấy.
 Chẳng bằng đạo tâm mười sáu phần.
 Các chúng-sinh trong quốc độ này,
 Nếu giữ tín tâm trong pháp thân,
 Số lượng phước đức tối thượng ấy,
 Chẳng bằng đạo tâm mười sáu phần.
 Vô số quốc độ như hà-sa,
 Nếu đều dựng chùa để cầu phúc
 Và dựng tháp cao như tu-di
 Chẳng bằng đạo tâm mười sáu phần.
 Vô số quốc độ như hà sa,
 Đều đem bố thí đầy thất bảo,
 Số lượng phước đức tối thượng ấy
 Chẳng bằng đạo tâm mười sáu phần.
 Nếu có chúng-sinh vì cầu phúc
 Xây dựng nhiều tháp thờ đức Phật
 Như núi Thiết vi rất cao lớn.
 Chẳng bằng đạo tâm mười sáu phần.
 Nếu có chúng-sinh đem trọn kiếp,
 Đầu đội vai mang các pháp sự,
 Nếu đem so sánh công đức ấy,
 Chẳng bằng đạo tâm mười sáu phần.
 Nếu có chúng-sinh được diệu pháp,
 Tìm đạo Bồ-đề độ tha nhân,
 Những chúng-sinh ấy thật cao cả
 Không thể sánh ví, không thể hơn.
 Vì thế, được nghe các pháp này,
 Kể trí thường sinh tâm mến pháp,
 Thường được vô lượng vô biên phúc,
 Mau chóng chứng được quả Vô thượng”.*

Lại nữa, kinh Niết-bàn nói: “Đức Phật tán thán cùng Ca-diếp rằng: “Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở hàng sa chỗ của đức Phật bên

sông Hy-liên, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, có thể thọ trì kinh này mà không sinh lòng phỉ báng. Đây thiện nam tử! Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở một hàng sa chỗ của đức Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, không phỉ báng mà hâm mộ kinh này. Tuy nhiên, chưa thể biện minh giảng giải ý nghĩa cho người khác. Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở hai hàng sa chỗ chư Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, sẽ không phỉ báng mà biết tin tưởng hâm mộ, thọ trì đọc tụng kinh này. Tuy nhiên, chưa thể giảng giải ý nghĩa cho người khác. Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở ba hàng sa chỗ của chư Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, sẽ không phỉ báng mà thọ trì đọc tụng, sao chép kinh này. Tuy có thể giảng giải cho người khác, nhưng chưa hiểu rõ ý nghĩa thâm trầm. Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở bốn hàng sa chỗ của chư Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, sẽ không phỉ báng mà thọ trì đọc tụng, sao chép giảng giải cho người khác một phần mười sáu ý nghĩa của kinh này. Tuy cố giảng đi giảng lại, cũng không thể nói trọn vẹn ý nghĩa, nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở năm hàng sa chỗ của chư Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, sẽ không phỉ báng mà thọ trì đọc tụng, diễn thuyết rộng rãi cho người khác nghe tám phần mười sáu ý nghĩa của kinh này. Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở sáu hàng sa chỗ của chư Phật, sau đó trong đời mạt pháp xấu xa, sẽ không phỉ báng mà thọ trì đọc tụng kinh này và giảng giải mười hai phần mười sáu ý nghĩa. Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở bảy hàng sa chỗ của chư Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa, sẽ không phỉ báng mà thọ trì đọc tụng, diễn thuyết cho người khác nghe mười bốn phần mười sáu ý nghĩa của kinh này. Nếu có chúng-sinh đã phát tâm Bồ-đề ở tám hàng sa chỗ của chư Phật, sau đó, trong đời mạt pháp xấu xa sẽ không phỉ báng mà thọ trì đọc tụng, khuyến khích người khác sao chép đọc tụng. Người này lại khuyến khích người khác đều biết đọc tụng”.

Lại nữa, kinh Đại-bi nói: “Đức Phật bảo A-nan: “Nếu có chúng-sinh đã từng một lần phát tâm tin tưởng vào cửa chư Phật, mầm thiện ấy sẽ không bao giờ mất đi, huống gì các mầm thiện khác? Giống như có chúng-sinh chẻ một cọng lông thành trăm cọng nhỏ, rồi lấy một cọng nhỏ ấy nhúng vào nước, dính một giọt nhỏ, mang đến cho ta và nói rằng: “Tôi đem giọt nước này gửi gắm cho đức Cù-đàm. xin giữ y nguyên, không hao hụt, không để nắng gió làm khô, không cho chim muông uống hết, không cho nước khác hòa chung. Xin lấy đồ đựng lại, đừng để rơi xuống đất”. Khi ấy, ta liền nhận lời, đem bỏ vào sông Hằng,

không cho trộn lẫn chung, cũng không cho các vật khác đựng vào. Giọt nước ấy không bị cản ngăn, không bị chim muông uống mất, y nguyên như thế, theo dòng trôi ra biển cả. Giả sử chúng-sinh ấy thọ một kiếp, ta cũng thọ một kiếp, khi gió tỳ-lam nổi dậy, thế giới bị tiêu diệt, chúng-sinh ấy đến nói với ta rằng: “Thưa đức Cù-đàm, giọt nước tôi đem gửi gắm, nay có còn không?” Bấy giờ, ta biết giọt nước ấy đang ở chỗ nào trong biển cả, riêng rẽ không hòa chung, y nguyên như cũ. Ta bèn lấy về, trả lại cho chúng-sinh ấy. Nay A-nan! Như-lai là Ứng Chánh Biến Tri, có thần thông lớn, thấu suốt vô cùng, không bị che lấp, là bậc thọ ký chí tôn Vô thượng. Thế nên, dù gửi gắm cho ta một giọt nước nhỏ nhoi như thế, trải qua vô lượng thế gian, vẫn không hao hụt chút nào. Nay A-nan, xét về ý nghĩa, phải biết rằng, cọng lông nhỏ bé ví với lòng thành. Sông Hằng ví với dòng sinh tử luân hồi. Giọt nước nhỏ nhoi ví với mầm thiện nhú lên trong một lần phát nguyện. Biển cả ví với Như-lai Ứng Chánh Biến Tri. Người gửi gắm ví với các Cư sĩ, Trưởng giả Bà-la-môn thuần thành tinh khiết. Thọ một kiếp ví với Như-lai nhận gửi gắm giọt nước không bao giờ để hao hụt, cũng như chúng-sinh ấy gửi gắm giọt nước, trải qua vô lượng thời gian vẫn y nguyên. Nay A-nan! Như thế, nếu ai một lần đã mở lòng tin tưởng vào cửa Phật, mầm thiện sẽ không bao giờ mất đi, hưởng gì các mầm thiện khác! Ta bảo rằng người ấy chắc chắn sẽ chứng quả Niết-bàn, dù các mầm bất thiện khác đáng bắt đọa vào ba đường ác. Như-lai biết thế, đã nhỏ giúp cho và đưa lên trên bờ vô úy, khiến chúng-sinh ấy nhớ biết mầm thiện đã gieo có thể diệt trừ mọi tội lỗi, tiêu tan mọi khổ não, chứng được mọi quả an vui “.

Lại nữa, kinh Phật thuyết Vô-úy-nữ nói: “Bấy giờ, Vua A-xà-thế có công chúa tên Vô Úy Đức hết sức xinh đẹp, đã thành tựu công đức vô cùng tuyệt diệu. Mới lên mười hai tuổi, công chúa mang đép vàng nạm ngọc, lên ngồi trên đài cao của vua cha. Gặp các Thanh văn đi đến, công chúa vẫn ngồi yên, không đứng dậy nghinh tiếp, hỏi thăm, hành lễ và nhường chỗ mời ngồi. Thấy thế, nhà vua hỏi: “Con không biết rằng đây là những đệ tử lớn, đã đắc pháp của đức Phật Thích ca, là phước điền của thế gian, vì thương xót chúng-sinh nên mới đi khắp thực? Tại sao con không đứng dậy, chạy ra nghinh đón, hành lễ, hỏi thăm và nhường chỗ, mời các ngài ngồi?” Công chúa Vô Úy Đức thưa: “Không rõ phụ vương từng nghe thấy qua bậc Chuyển-luân-vương gặp các tiểu vương, phải đứng lên nghinh tiếp chăng?” Nhà vua trả lời “không”. Công chúa lại hỏi: “Không rõ Sư tử chúa gặp chồn hôi, phải đứng lên

nginh đón chãng?” Nhà vua đáp: “Không”. Công chúa lại hỏi: “Không rõ Thiên vương Đế thích đứng lên nghinh đón chư Thiên chãng?” Nhà vua trả lời: “Không”, “Không rõ Long vương ở biển cả phải kính lễ thần Hà Bá ở sông hồ chãng?” Nhà vua đáp: “Không”. Bấy giờ, công chúa mới tâm rằng: “Thưa phụ vương, như thế, một bậc Chuyển-luân-vương đã phát tâm Bồ-tát đại từ đại bi hướng đến A-nậu-Bồ-đề cần phải cúi đầu đánh lễ một tiểu vương thuộc hàng Thanh văn, xa lìa tâm đại từ đại bi chãng? Lại nữa, thưa phụ vương, chúa tể sơn lâm Sư tử đã phát tâm cầu đạo chánh giác Vô thượng, cần phải đánh lễ chôn hôi tiểu thừa chãng? Lại nữa, đã mong muốn đạt đến biển trí tuệ bao la, mong muốn biết rõ núi chánh pháp vĩ đại, lại cần đến hàng Thanh văn có tri thức cạn cợt như dấu chân trâu chãng? Thưa phụ vương, nếu có người muốn gần gũi hàng Thanh văn thì người ấy chỉ phát tâm Thanh văn. Nếu có người muốn gần gũi hàng Duyên giác, thì người ấy chỉ phát tâm Duyên giác. Nếu có người muốn gần gũi bậc chánh chân chánh giác, thì người ấy sẽ phát tâm A-nậu-Bồ-đề”. Bấy giờ, vua A-xà-thế bèn bảo công chúa Vô Úy Đức rằng: “Con kiêu ngạo quá! Tại sao gặp các vị Thanh văn lại không biết cung nghinh?” Công chúa thưa rằng: “Thưa phụ vương, xin đừng nói thế, vì phụ vương cũng còn kiêu ngạo. Tại sao phụ vương không nghinh đón những kẻ nghèo khó trong thành vương-xá này?” nhà vua đáp rằng: “những người ấy không ngang hàng với ta, làm sao ta nghinh đón họ?” Công chúa thưa rằng: “Kẻ mới phát tâm Bồ-tát cũng thế, tất cả các Thanh văn cũng không ngang hàng với con”. Nhà vua bảo con há chẳng thấy các vị Bồ-tát đều cung kính đối với tất cả mọi chúng-sinh?” Công chúa thưa rằng: “Thưa phụ vương, vì muốn hóa độ mọi chúng-sinh kiêu ngạo có lòng quy y sám hối, các vị Bồ-tát mới kính lễ tất cả chúng-sinh, cốt làm Tăng trưởng mầm lành trong tâm của họ”.

Khi Bồ-tát Vô Úy Đức, vốn là con của hoàng hậu Nguyệt Quang, mệnh chung, được sinh lên cõi Trời Đao lợi, mang danh hiệu là Quang Minh Tăng thượng Thiên Tử. Ngày Bồ-tát Di-lặc thành Phật, Quang Minh Tăng Thượng Tử sẽ xuất gia và lần lượt gặp gỡ, cúng dường chư Phật trong hiện kiếp. Sau đó, được làm đại vương, hưởng thụ đầy đủ thất bảo ở quốc độ của đức Phật Ly cấu, với danh hiệu là Địa Trì, sau khi cúng dường đức Phật này xong, sẽ thành Phật với danh hiệu Biển Quang”.

Tụng rằng:

Đắm trong tăm tối lâu nay,

Bồi hồi giữa giấc mộng say mê mờ.
 Bụi lòng chưa rửa vết nhơ,
 Vì còn ngại nước cam lồ rất thiêng.
 Cha lành tỏa sáng lung linh,
 Soi ta thấy ánh bình minh ngập tràn.
 Gặp thầy, bạn tốt giỏi giang,
 Giúp ta thêm chút hào quang dẫn đường
 Ngộ rồi, lòng sáng như gương,
 Từ đây mới biết chán chường nhân gian.
 Chư Tăng cốt cách nghiêm trang,
 Cùng bao đồng đạo an nhàn thanh thoi.
 Ai nhìn lòng cũng vui tươi,
 Cúi đầu xin hướng về nơi Phật đài,
 Nếu còn chất chứa điều sai,
 Tai ương sẽ đến nay mai khôn lường.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG:

1. Sa-môn Trúc Pháp sư đời Tấn.
2. Cư sĩ Viên Bính đời Tống.
3. Sa-môn Thích Đạo Tiên đời Tùy.

1- Đời Tấn, Sa-môn Trúc Pháp Sư ở Cối Kê, giao du thân thiết với Vương Hằng Chi tại Bắc Trung. Hai người cùng bàn luận về sống chết, báo ứng và tội phước. Thật ra, cả hai người chưa hiểu rõ và chưa biết có nhân quả hay không, nên hẹn nhau, nếu ai chết trước, sẽ về nói lại cho nhau nghe. Sau khi chia tay, Vương Hằng Chi đang ở ngôi miếu tại kinh đô, bỗng thấy Trúc Pháp Sư đi đến. Họ Vương kinh ngạc bảo: “Hòa thượng từ đâu đến đây?” Đáp: “vào ngày giờ nọ, bản đạo đã qua đời. Tội phước đều có thật, báo ứng linh nghiệm không sai. Thí chủ nên cố tu hành để được siêu thoát lên cõi cao. Vì có lời ước hẹn trước đây, nên bản Tăng đến báo cho thí chủ biết rõ”. Nói xong, liền biến mất. (Chuyện trên đây rút từ Tục-sư-thần-ký)

2- Đời Tống, Viên Bính, tự là Thúc Hoán, vốn người ở quận tRần. Niên hiệu Thái Thủy (465) đời Tống Minh đế, làm tri huyện tại Lâm Tương. Họ Viên chết đã lâu năm, bỗng thân hữu là Tư Mã Tốn mơ màng thấy Bính hiện về lúc mờ sáng. Chào hỏi kể lễ nỗi niềm xa cách xong, bảo Tốn rằng: “Suốt đời, chúng ta thường bàn luận rằng sống là vất vả bon chen, chết là thật sự yên nghỉ. Nay mới biết không hẳn như thế.

Thường xót xa chuyện người đời chạy chọt kiếm chác bạc vàng đút lót cho nhau. Ở cõi âm, chuyện này cũng giống hệt”. Tốn hỏi: “Báo ứng tội phước ra sao?” Bính đáp: “Điều hiểu biết của ta hồi còn sống và lời kinh điển nói ra đều không đúng lắm. Chẳng qua chỉ là lời nói gò ép của Thánh nhân. Theo điều chứng kiến hiện nay, việc xử phạt thiện ác không khác mấy, chỉ có tội sát sinh là nặng nhất. Cố tránh, đừng để mắc vào”. Tốn nói: “Điều ông vừa chỉ bảo, ta không kể cho ai hay, nhưng nên báo cho quan Thượng thư biết với”. Bính đáp: “Thật hay! Cũng nhờ ông lựa lời bảm lại cùng thượng thư”. Bấy giờ, Giản Mục vương đang làm thượng thư bộ lại. Bính và Tốn đều là gia khách thân thuộc trong nhà, nên mới nhớ đến. Hai người trò chuyện khoảng mấy trăm lời rồi Bính chia tay. Tốn hỏi: “Xa cách đã lâu, thường mong gặp mặt để thăm hỏi, cơ hội chẳng có mấy. Sao không nán lại một lát nữa?” Bính đáp: “Chỉ tạm giây lát, không thể ở lâu và mọi chuyện cũng không thể đem ra nói hết”. Dứt lời, liền ra đi. Khi Bính đến, Trời vẫn còn tối, Tốn không hiểu tại sao có thể nhìn rõ mặt Bính. Kịp lúc Bính đi, Tốn bước xuống sập tiến chân. Mới dẫm lên dép, Tốn thấy trên chân Bính có khoảng sáng lên chừng một thước vuông, chiếu sáng luôn hai chân của mình, trong lúc chung quanh vẫn tối tăm. (Chuyện trên đây rút từ minh-tưởng-ký)

3- Đời Tùy, Sa-môn Thích Đạo Tiên ở chùa Trúc Lâm thuộc núi Quán Khẩu tại đất Thục, vốn người nước Khang Cư, chuyên nghề buôn bán đường xa. Từng qua lại hai xứ Ngô Thục để thu gom châu báu, vốn liếng đến mười vạn quan tiền, sau lên núi Ngưu đầu ở Tử Châu, gặp cao Tăng thuyết pháp, hiểu ra tiền bạc chỉ là phiến nã, liền đem của cải thả xuống sông, rồi xuất gia ở chùa Trúc Lâm. Khi thế phát, ngài thề cùng đại chúng rằng: “Nếu không ngộ đạo, sẽ không bao giờ rời khỏi chùa”. Ngài quyết chí xa lánh mọi người, ở chung với muôn thú. Mỗi lần nhập định lâu đến năm ngày. Có khách đến thăm, ngài ngầm biết trước, bèn xuất định để tiếp đón. Vắng khách, lại tịnh tọa giữa thiền phòng, tịch lặng như hư-không. Đôi khi ngài báo trước số lượng khách, hình dáng y phục. Khi khách đến, đều đúng như lời. Bấy giờ, gặp cơn hạn lớn, dân chúng hoảng hốt, sợ lúa chết khô, kéo nhau đến xin ngài cầu mưa. Ngài lên hang rồng, gõ mạnh đầu gậy vào cửa, kêu lớn: “chúng-sinh khốn khổ, cơ sao vẫn ngủ say?” vừa dứt lời, rồng thần giật mình thức dậy, kéo mây đen khắp bốn phía xong, mưa lớn ào ào trút xuống. Dân chúng được nhờ ơn đức, đến làm lễ tạ ơn và tôn sùng ngài như thiên thần. Khi Thục Vương Tú đến trấn giữ vùng Mân Lạc, có

người đem chuyện tâu lên, vương cho người đến mời, nhưng ngài không tuân chỉ. Tức giận, vương thân hành kéo quân lên bắt, nếu ngài cố ý chống lại, sẽ đem hành hình. Nghe tin, ngài vẫn điềm nhiên tự tại, mặc áo ca sa ngồi tụng kinh. Vương vừa đến chân núi bỗng nhiên mưa đá đổ xuống, sấm sét nổ vang. Chốc lát, nước dâng đầy sông suối. Quân như ướn hết, tính mạng khó toàn. Lâm vào thế cùng, vương đành sám hối quy y, cúi đầu đánh lễ. Liền đó, mây tạnh Trời quang, đường sá khô ráo bằng phẳng. Vương lên núi, cung kính khom mình nhận lỗi. Ngài thuyết pháp cho nghe. Vương pháp thành tâm ân cần mời ngài xuống núi, đến chùa Tịnh Chúng ở Thành Đô, cúng dường rất hậu hỹ. Mọi người đều cung kính tôn ngài là Tiên Xà-lê. Giữa niên hiệu Nhân Thọ (601-604) đời Tùy Văn đế, ngài trở về chùa Trúc Lâm. Khi viên tịch, được an táng tại đó. (Truyện trên đây rút từ Đường-Cao-Tăng-truyện)

Thiền thứ 12: NAM NỮ THẾ GIAN

(gồm có 2 bộ; Nam giới thế gian, Nữ giới thế gian.)

Bộ I: NAM GIỚI THẾ GIAN

Gồm có ba phần: Phần Thuật ý, Phần răn đời, Phần Khuyến cáo.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Luận về Nam giới thế gian chia thành hai bậc cao thấp khác nhau:

1- Sang, 2 là hèn. 1- Giàu. 2- Nghèo. Người giàu sang đa số hay phóng túng kiêu ngạo, khinh khi nhục mạ, lấn lướt kẻ nghèo nàn. Hoặc có người dựa vào quyền thế, tự cao lấn lướt người ta. Hoặc có người học nhiều hiểu rộng, cậy tài lấn lướt người ta, hoặc có người khoa mồm múa mép, hùng biện lấn lướt người ta. Hoặc có người khoe giàu xa xỉ, khi dễ lấn lướt người ta. Hoặc có người mặt đẹp dáng hay, ý sắc lấn lướt người ta. Hoặc có người lừa nhanh ngựa khỏe, cậy xe sang lấn lướt người ta. Hoặc có người nhiều tiền của, lắm nô tỳ, cậy giàu lấn lướt người ta. Tình trạng như thế rất nhiều, không thể đem ra nói hết.

Chúng-sinh ngu muội, thật đáng xót thương. Không biết vô thường sẽ đến, cứ nổi lòng kiêu. Quả báo nước sôi than đỏ, luộc nướng đang chờ. Cai ngục cầm xiên, lăm le chực sẵn, không hề lo lắng, thanh thoi vui chơi, khác gì dê không biết cái chết đang đến, khác gì ruồi nhặng ham hố thầy ma đang sinh? Suy xét xưa nay, giàu sang vốn chẳng cố định sống chết kéo đến liền tay, sang hèn đều thành cát bụi. Giàu có lắm, chỉ trở lại nắm mồ hoang nghèo hèn mấy, cũng nằm yên trong lòng đất, đã biết sang hèn đều thành cát bụi, cần phải hạ mình cung kính bậc trên. Cho hay, thân sơ không chắc, sang hèn chẳng bền; khổ vui đắp đổi, chìm nổi thế nhau mà thôi!

Thứ hai: PHẦN RĂN ĐỜI

Như kinh Hoa Nghiêm nói: “Có mười loại nghiệp mạn, cần phải tránh xa:

1- Đối với các phước điền đáng tôn trọng như Hòa thượng, A-Xà-lê; cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, lại không tôn trọng, cung kính cúng dường. Ấy là nghiệp mạn,

2- Đối với các pháp sư chứng pháp cao siêu, biết đường giải thoát sinh tử theo giáo lý đại thừa, hiểu nhiều thần chú Đà-la-ni, có đầy đủ trí tuệ, có tài thuyết pháp, lại không tin tưởng cúng dường. Ấy là nghiệp mạn.

3- Khi nghe thuyết pháp đến chỗ cao xa, phải phát tâm lìa dục, vô

cùng hơn hờ, lại không ca tụng pháp sư, khiến đại chúng cùng hơn hờ. Ấy là nghiệp mạn:

4- Nổi lòng ngã mạn tự đại lấn lướt người khác, không xét sức mình, không dẫn lòng mình. Ấy là nghiệp mạn

5- Nổi Lòng so đo, thấy người có công đức, trí tuệ không chịu ca tụng ngợi khen. Thấy người thiếu công đức, lại ngợi khen ca tụng. Thấy ai ca tụng ngợi khen người có công đức trí tuệ, nổi lòng ganh ghét. Ấy là nghiệp mạn.

6- Nếu có pháp sư biết đầy chính là pháp, là luật, là chân chính, là lời của đức Phật dạy, lại đem lòng ganh ghét, bảo không phải là pháp, không phải là luật, là không chân chính, không phải là lời của đức Phật dạy, vì muốn hủy hoại đức tin của người khác. Ấy là nghiệp mạn.

7- Tự đặt ngôi cao, tự phong pháp sư, không chịu thi hành, không chịu cung kính cúng dường người khác. Cho rằng các bậc tu theo phạm hạnh, các bậc tôn túc có đức đều phải cung kính cúng dường mình. Ấy là nghiệp mạn.

8- Xa lánh, nhả mày cau mặt đối với các bậc đạo đức trọng ấy, thường đối xử hòa nhã với mọi người, lời nói dịu dàng, không thô lỗ, không giận hờn, mà tìm tòi lỗi xấu của bậc đạo cao đức trọng. Ấy là nghiệp mạn.

9- Vì lòng ngã mạn, nên đối với bậc thiện tri thức, không chịu cung kính, không chịu nghe thuyết pháp. Gặp chỗ khó, cứ bỏ mặc, không chịu hỏi han điều gì thiện, điều gì bất thiện, điều gì nên làm, điều gì không nên làm. Làm điều gì có ích cho tất cả chúng-sinh, làm điều gì không có ích cho chúng-sinh. Làm điều gì sẽ từ sáng suốt đến sáng suốt hơn, làm điều gì sẽ từ tối tăm đến tối tăm hơn. Hạng người này bị ngã chấp nhận chìm, không thể nhận thức được chánh pháp thiết yếu. Ấy là nghiệp mạn.

10- Do lòng ngã mạn nổi dậy, không thể gặp được chánh pháp khó tìm của chư Phật, sẽ tiêu tan mầm thiện đã ươm từ tiền kiếp. Nói điều không nên nói, lộ lòng oán than, cùng nhau chế nhạo. Nuôi dưỡng tâm địa như thế, sẽ rơi vào tà đạo. May nhờ uy lực của hạt giống Bồ-đề, nên không đến nỗi mất hết hạnh Bồ-tát. Tuy nhiên, trải qua vô lượng ức kiếp, sẽ không được gặp gỡ chư Phật, huống gì là được nghe chánh pháp! Ấy là nghiệp mạn.

Lại nữa, kinh xuất diệu có kệ nói rằng:

*“Chúng-sinh bị mạn trôi
Mắc phải chùng ngã mạn.*

*Bị ngã kiến mê hoặc,
Nên chịu sinh tử hoài”.*

Thế nên, kẻ phàm phu tuy làm ác ít, nhưng đời sau sẽ chịu vô lượng quả báo, đau khổ vô cùng, giống như ung độc nhức nhối tim gan. Chúng-sinh tâm ý khác nhau, nhắm mắt mưu cầu danh lợi, không hề nghĩ đến cái chết. Cái sống không thể giữ bền cái chết đương nhiên phải ập đến. Mạng sống này mỏng manh như thế, chẳng sớm thì muộn, chỉ trong nháy mắt, biến đổi không ngờ. Uổng công xây đắp ruộng vườn, lưu luyến thân thích. Kinh Pháp-cú-dụ có nói: “Khi đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong thành có một người Bà-la-môn, tuổi gần tám mươi, giàu có vô số. Ông ta là người cứng đầu, không biết đạo lý, không kể sống chết, quanh năm chỉ lo xây cất mái trước nhà sau. Nào đài cao hóng mát, nào phòng kín sưởi ấm. Riêng hai phía đông tây, hành lang gồm mười dãy. Bấy giờ chỉ còn lại chái trước dùng để che nắng, đang xây dựng chưa xong. Một mình ông ta gánh vác lo toan mới chuyện. Đức Phật dùng pháp nhãn nhìn thấy ông ta sẽ chết trong ngày hôm ấy, nhưng ông ta không hề hay biết, vẫn thản nhiên xây cất. Động lòng Từ bi, đức Phật dắt A-nan đến nhà, hỏi rằng: “Cụ già có mệt nhọc không? Ngôi nhà đang xây này, chỗ nào yên ổn nhất?” Ông ta đáp: “Mái trước kiếp khách, nhà sau để ở. Hai chái đông tây dành cho con cháu, chất chứa của cải và bọn người làm. Riêng ta, mùa hạ lên đài cao hóng mát, mùa đông vào phòng kín sưởi ấm”. Đức Phật bảo: “Nghe tiếng ông cụ đã lâu, ta muốn đến bàn luận nhiều điều. Có bài kệ liên quan đến vận mạng sống chết, ta muốn đem tặng. Ông cụ hãy dừng tay một lát, cùng ta đàm luận, được không?” Ông ta đáp: “Hôm nay bận quá, không rảnh chút nào. Xin bữa khác hãy đến đàm luận. Còn bài kệ, có thể đọc liền bây giờ”. Đức Phật đọc kệ rằng:

*“Có con, có của
Kẻ ngu lãng xãng.
Ta chẳng phải ta,
Nói gì con, của!
Nắng ở chỗ này,
Lạnh ở chỗ kia.
Kẻ ngu lo nhiều,
Chẳng biết tai họa.
Ngu che, ngu lấp
Tự cho là khôn,
Ngu mà nói khôn*

Ngu ơi là ngu!

Ông già Bà-la-môn nói: “Ngài nói bài kệ thật hay, nhưng hôm nay bận quá, bữa khác sẽ bình luận”. Đức Phật thương xót ra về. Lát sau, ông ta một mình gác cái đòn tay, vô ý rơi xuống, đập vỡ đầu chết ngay. Cả nhà òa khóc lớn. Vang động xóm làng. Đức Phật đi chưa xa, biết tai họa đã ập đến. Đầu làng có mấy chục vị phạm chí hỏi đức Phật: “Ngài đi đâu về?” đức Phật đáp: “Vừa đến thuyết pháp trong nhà ông cụ mới chết. Ông không tin lời ta, không biết lý vô thường. Bấy giờ đã hóa kiếp khác”. Nói xong, đức Phật đọc cho các vị ấy nghe bài kệ trước đó. Nghe qua, tất cả đều vui mừng hiểu được chánh pháp. Đức Phật lại đọc cho các vị ấy nghe thêm bài kệ:

*“Ngu gần người trí
Như bầu châm mật.
Tuy gần gũi lâu,
Nhưng không biết pháp.
Sáng gần người trí,
Như lưỡi nếm mùi,
Chỉ trong nháy mắt,
Hiểu thấu đạo vị.
Kẻ ngu hành động,
Vì thân chuốc họa.
Hơn hớ làm cần,
Dẫn đến tai vạ.
Đã làm điều ác,
Phải biết ăn năn,
Nước mắt tuôn tràn,
Xưa vay, nay trả.”*

Bấy giờ, các vị Phạm chí được nghe thêm bài kệ này, càng sinh lòng kính tin, chấp tay đánh lễ đức Phật, hoan hỷ tu trì”.

Thứ ba: PHẦN KHUYẾN CÁO

Lòng ngã mạn ấy, đạo đời giống nhau, trí ngu không thoát, sang hèn đều có. Đắc đo luận bàn thật kỹ, người đời ngã mạn nhiều hơn. Cũng có kẻ lấy lời suông ca tụng bản thân, phê phán hiền triết, chỉ trích Thánh nhân. Phần đông người đời đều làm như thế. Chẳng có ai dành trọn một ngày tỏ vẻ hổ thẹn mắc cỡ, thành thật tìm kiếm chánh đạo, cúi mình xét lại bản thân. Vì thế, sách thế gian có nói rằng: “Nỗ lực hâm mộ đường thiện, có thể yên bản thân, nỗ lực hâm mộ hiểu để, có thể

vinh hiển gia tộc. Cũng có bậc quân tử tôn sùng Phật pháp, giữ giới tu hành, nhân từ khiêm nhượng, cung kính tin tưởng. Tất cả vốn do bản chất tự-nhiên, phù hợp với đạo. Cũng có kẻ xuất gia không theo chánh giáo, vi phạm giới luật, không chịu tu học, chẳng khác người đời. Tuy thế, đạo với đời, hình dung khác hẳn, phạm giới luật chia ra phạm ít, phạm nhiều. Tâm lại có sáng, tối; lỗi có nặng, nhẹ. Vì vậy, kẻ xuất gia khi chưa phạm giới, niệm niệm đều hợp đạo, nhờ đã huân tập nghiệp lành, vun đầy cội phước nên lỡ làm điều ác nhỏ, không thể lung lay, chỉ cần biết xấu hổ đôi chút, sẽ trong trắng lại. Nói về người đời, thân ở vào chỗ không biết xấu hổ, lòng quen thói không biết thẹn thùng. Nuôi dưỡng vợ con, tiền tài sắc thanh đầy nhà cửa. Ngọt bùi rượu thịt, mặc sức no say. Ham thích si mê, không biết chán ngán. Mầm ác chứa sẵn, không thể thoát khỏi. Đây chính là chỗ sáng tối khác đường, đen trắng phân cách. Đã biết rằng sáng có thể diệt trừ được tối, tối không thể diệt trừ nổi sáng, nên ánh sáng của ngọn đèn dù nhỏ, cũng có thể soi sáng khắp phòng. Kẻ xuất gia lỡ phạm giới nhỏ, nhờ đức sáng đã hình thành từ trước, tuy chẳng sáng hơn, nhưng nguồn sáng vẫn luôn luôn chiếu diệu. Giống như bầu đèn còn thì tim vẫn cháy, ruộng vườn còn thì cơ nghiệp vẫn bền. Hơn nữa, kẻ xuất gia gây ác rất khó, giống chèo ghe trên mặt đất bằng; người thế gian làm ác thật dễ, tựa giong thuyền giữa biển bao la. Ghe thuyền tuy giống, nhưng môi trường khác nhau nên sinh ra chậm, nhanh không đồng và giữ phạm khó dễ. Do đó, luân hồi hay mắc, chánh pháp khó thành. Phải biết tinh thành cầu mong tự độ và tinh tiến mến mộ giải thoát mới được.

Lại nữa, kinh Hiền ngu nói rằng: “Công đức xuất gia giải thoát, hưởng phước rất nhiều. Như phóng thích nô tỳ nam nữ, như nghe theo ý dân, như tự mình xuất gia cầu đạo, công đức dễ lớn vô lượng, không thể tính toán nghĩ bàn, công đức xuất gia cao hơn núi Tu di, sâu hơn biển cả, rộng hơn hư-không, vì nhờ xuất gia, chắc chắn sẽ thành tựu Phật quả. Khi đức Phật còn tại thế, trong thành Vương-xá có vị Trưởng giả tên phúc Tăng tuổi ngoài một trăm, bị mọi người lớn nhỏ trong nhà chán ghét. Phúc Tăng nghe nói xuất gia được vô số công đức, liền đến chỗ đức Phật xin xuất gia. Gặp lúc đức Phật đi vắng, liền đến cầu xin Xá-lợi-phất. Thấy ông quá già, Xá-lợi-phất không chịu thế độ. Lần lượt cả năm trăm vị A-la-hán cũng không ai chịu nhận. Phúc Tăng bước ra cổng chùa, òa lên khóc lớn. Đức Phật về đến, đem lời an ủi, rồi bảo Mục-kiền-liên cho xuất gia. Mục-liên vâng lời truyền giới. Sau đó, Phúc Tăng thường bị các Tỳ-kheo trẻ tuổi, châm chọc đến phần uất, phải

nhảy xuống sông, chìm lỉm sắp chết. Mục-liên trông thấy, dùng phép thần thông vớt lên bờ, hỏi rõ đầu đuôi. Mục-liên suy nghĩ, nếu không đem chuyện sinh tử luân hồi khuyến cáo, người này sẽ không thành đạo, liền bảo ông ta định tâm nắm chéo áo của mình, rồi đặng vác đến bờ biển lớn. Thấy xác của một phụ nữ có con giòi từ miệng bò ra, chui vào mũi, ra mắt, lại chui vào tai. Mục-liên toan bỏ đi. Lấy làm lạ, Phúc Tăng hỏi thầy: “Xác người nữ nào đây?” Mục-liên đáp: “Đây là vợ của một đại-tát-bạc trong thành Xá-vệ có dung nhan tuyệt thế. Người đàn bà này liền dùng kiếng gắn trên giá ba chân ra soi, thấy nhan sắc kiều diễm, sinh ra ngã mạn, nên rất yêu thích chính mình. Chồng vốn quý vợ, chở theo trên biển. Gặp bão, thuyền vỡ, bị chết chìm, xác nổi lên bờ. Người này vì quá yêu mình, đầu thai làm kiếp giòi chui rúc lưu luyến xác cũ. Khi hết kiếp sâu bọ, sẽ bị đọa vào địa ngục lớn, chịu khổ vô cùng, Phúc Tăng đi lên, gặp một người nữ vác cái vạc đồng kê xuống đất, đổ đầy nước vào, nhen lửa nấu sôi phừng phừng. Xong xuôi, cởi áo nhảy vào. Thịt chín nhừ ra khỏi xương, nước sôi hắt xương văng ra ngoài. Con gió thổi qua, lại thành người, ngồi bốc thịt của mình ăn ngấu nghiến. Phúc Tăng hỏi: “Đây là người nữ nào?” Thầy đáp: “Trong nước Xá-vệ có nữ cư sĩ kính tin Tam bảo, mời một Tỳ-kheo đến cúng dường suốt mùa hạ, xây dựng căn phòng đầu ngõ để Tỳ-kheo an cư. Lại thân hành nấu các món ăn ngon, cho nữ tỳ mang đến. Qua chỗ kín, nữ tỳ lựa ra ăn trước, rồi mới cúng dường. Trong nhà phát hiện được, hỏi: “Có ăn lén không?” Nữ tỳ đáp: “Không! Khi Tỳ-kheo ăn xong, cho phần dư, mới dám ăn. Con xin thề, nếu có ăn lén, đời đời sẽ xui khiến tự ăn lấy thịt của mình!” Do nghiệp nhân này, trước tiên phải chịu báo ứng như thế, sau mới đọa vào địa ngục”. Sa-di Phúc Tăng lại đi, thấy một cây bằng thịt, vô số con sâu bám đầy, đục ăn nát thân, không chữa chỗ nào. Cây khóc lóc kêu la như tiếng dưới địa ngục. Sa-di hỏi thầy: “Cây này là gì?” Mục-liên đáp: “Đây là Tỳ-kheo tri sự Lại-Lợi-Tra, vì hoang phí, đã đem hoa quả thức ăn của chư Tăng phân phát cho người đời. Do nghiệp nhân này, phải chịu báo ứng như thế, sau mới đọa vào địa ngục. Lũ sâu ăn thịt cây là bọn người đã thọ nhận phẩm vật lúc bấy giờ”. Sa-di tiếp tục đi thêm, gặp một người nam bị nhiều ác quỷ đầu thú mình người vây quanh, tay cầm cung nỏ, tay cầm ba mũi tên độc, tranh nhau bắn vào người ấy, đầu tên bốc lửa cháy đỏ, khiến toàn thân cháy xém. Sa-di hỏi thầy: “Đây là người nào?” Mục-liên đáp: “Người này kiếp trước làm thợ săn, sát hại nhiều muông thú, nên phải chịu báo ứng như thế. Sau khi chết xong, phải đọa vào địa ngục”. Sa-di tiếp tục đi nữa,

gặp ngọn núi lớn, dưới sấp dao kiếm la liệt, trên có một người buông mình lao xuống, thân thể nát như. Xong lại trèo lên núi lao xuống, cứ thế không ngừng. Sa-di hỏi thầy: “Người này là ai?” Thầy đáp: “Đây nguyên là đại tướng của vua Vương-xá. Vì có sức mạnh, được làm tiên phong, giết chết nhiều người. Trước tiên phải chịu đau đớn như thế, sau đó mới đọa vào địa ngục”. Lại tiếp tục đi tới, gặp một núi xương cao lớn khoảng bảy trăm do-tuần, che lấp mặt Trời, làm cho biển cả tối đen. Bấy giờ, Mục-liên nhảy lên núi xương ấy, đi kinh hành lui tới. Sa-di hỏi thầy: “Đây là núi xương gì?” Mục-liên trả lời rằng: “Nếu con muốn biết, thì đây chính là xương của con trong kiếp trước”. Phúc Tăng vừa nghe xong, run sợ đến dựng tóc gáy, mồ hôi ướt đầm, bạch rằng: “Nay con nghe lời thầy dạy, dù sao lòng vẫn chưa tan nát hết. Xin thầy mở lượng Từ bi kể hết đầu đuôi”. Mục-liên bắt đầu giảng giải: “Sống chết đắp đổi xoay vần, không có bến bờ. Gây nghiệp lành dữ, chắc chắn sẽ chịu báo ứng. Ngày xưa, cỡi Diêm-phù-đề có vị Quốc vương tên Pháp Tăng, thích làm bố thí, giữ giới nghe kinh, thương xót chúng-sinh, không hại muôn vật. Theo đúng chánh pháp trị vì suốt hai mươi năm. Một hôm rảnh rỗi ngồi chơi cờ. Bấy giờ có kẻ phạm tội giết người, đình thần đem tâu lên, nhà vua đang mê nước cờ, buột miệng phán: “Cứ theo phép nước xử trị”. Đình thần chiếu luật, giết người phải thương mạng, lập tức thi hành. Hết ván cờ, nhà vua hỏi lại: “Tội nhân lúc nãy đâu rồi?” Đình thần tâu: “Đã giết chết”. Vừa nghe xong nhà vua ngã xuống hôn mê, đình thần phải lấy nước lạnh đắp một lát mới tỉnh lại. Nhà vua rơi lệ bảo đình thần: “Mai đây, cung nga thể nữ, xe ngựa bạc vàng đều còn đủ, chỉ một mình ta sẽ rơi xuống địa ngục mà thôi! Ta vừa phạm tội giết người, dù là đương kim Quốc vương chiên-đà-la, cũng chưa biết sẽ rơi vào đường ác nào trong muôn kiếp! Ta không thể làm vua nữa, phải thoái vị xuất gia”. Sau khi mệnh chung, nhà vua sinh làm kiếp cá ma-kiệt-đà giữa biển cả, thân xác to lớn đến bảy trăm do-tuần. Quần thần cậy thế lực, bóc lột dân chúng, giết hại rất nhiều khi chết, bị đọa làm kiếp ký sinh trùng rúc ráy cá ấy. Cá nổi cơn ngứa, nổi lên gãi vào núi làm chết vô số ký sinh trùng, máu loang đỏ nước biển hàng trăm dặm. Cá ngủ một giấc suốt cả trăm năm, khi khát uống nước biển. Nước ủa vào ô ạt như dòng sông lớn. Bấy giờ, có đoàn thương khách năm trăm người ra biển mua châu báu, gặp cá miệng thuyền trôi nhanh vào. Đoàn thương khách kinh hoàng, kêu khóc vang rân. Sấp lọt vào miệng, bồng cả đoàn niệm to Nam-mô Phật. Cá nghe danh hiệu Phật, gấp gáp ngậm miệng, không hút nước nữa. Nhờ thế cả đoàn đều sống sót. Cá bị đói chết đi,

đầu thai vào thành vương-xá làm nhà người đấy! Sau khi cá chết, bọn Dạ-xoa, La-sát rủ nhau khiên bỏ lên bờ, thịt tiêu tan hết, chỉ còn lại núi xương này. Quốc vương Pháp Tăng chính là tiền thân của nhà người, vì tội cố sát bị đọa xuống làm cá. Sa-di Phúc Tăng nghe xong, vô cùng sợ sệt lý sinh tử luân hồi, quán tưởng suốt cả tiền kiếp, đốn ngộ các pháp vốn vô thường, liền chứng được quả A-la-hán”.

Bộ II: NỮ GIỚI THẾ GIAN

Gồm có 2 phần: Phần thuật ý, Phần gian trá.

***Thứ nhất:* PHẦN THUẬT Ý**

Than ôi! Nữ giới thế gian thật là độc ác lắm tội. Đức Phật nói bọn họ giả dối điêu ngoa còn hơn nam giới. Hoặc mượn màu son phấn tô điểm mặt mày, hoặc ăn mặc lụa là rực rỡ quyến rũ kẻ khác. Hoặc chúm môi hé miệng, liếc mắt hát cười. Hoặc rên rỉ ca ngâm, đưa tình khán giả. Hoặc hở bụng lộ tay, trùm đầu che mặt, hoặc đẩy đưa chân bước, uốn éo thân hình. Hoặc mắt nhắm mắt hé, chợt buồn chợt vui, dụ dỗ kẻ ngu đâm ra say đắm, yêu ma quỷ quái, không thể tả cùng, kẻ đã say đắm, sẽ bị mê mờ. Giống như giặc cướp, gian ác lắm trò, giống như bánh vẽ chứa dơ trong ruột. Giống như bầy giăng, bầy chim mắc phải. Giống như lưới bủa, lũ cá dính vào. Giống như hầm hố, kẻ mù lọt xuống. Giống như thiêu thân bay tới ánh đèn, giống như ruồi nhặng ham rửa xác chết. Gần gũi nữ giới, sẽ mất nước tan nhà; đụng nhằm khác nào bắt lấy rắn rít. Dầu miệng ngọt ngào như mật, trong lòng chất chứa nọc độc. Cửa nhà khốn khó, đều do nữ giới. Chết ngoài đường xá, đều do nữ giới. Gia đạo bất hòa, đều do nữ giới. Gái trai phản nghịch đều do nữ giới. Anh em ly tán, đều do nữ giới. Họ hàng chia lìa, đều do nữ giới. Đọa xuống địa ngục, đều do nữ giới. Không sinh lên cõi Trời người, đều do nữ giới. Cản trở nghiệp thiện, đều do nữ giới. Không chứng Thánh quả, đều do nữ giới. Tội nghiệp như thế, không thể nói hết. Chúng-sinh mê đắm, thật đáng thương tâm! Thường bị lửa dục thiêu đốt, không thể tránh xa, đến nỗi chịu đựng tai ương muôn kiếp không bao giờ chấm dứt.

***Thứ hai:* PHẦN GIAN TRÁ**

Như kinh Xuất-Diệu nói: “Ngày xưa, trong thành Xá-vệ có người nữ ôm con mang bình ra giếng múc nước. Bên giếng, một người nam dung mạo tuấn tú đang ngồi đánh đàn giải trí. Người nữ ấy đâm ra say mê người nam, lửa dục bùng dậy. Người nam cũng rạo rục ham muốn

người nữ. Tâm thần hoảng loạn mê man, người nữ lấy dây cột vào cổ con mình rồi thả xuống giếng. Khi kéo lên thì đứa bé đã chết. Chợt tỉnh ngộ, người nữ ôm xác con kêu gào thảm thiết, nước mắt chan hòa như mưa!”

Lại nữa, kinh ấy còn nói: “ Khi đức Phật ở nước Câu-thiểm-di có vị Quốc vương tên là Ưu-điền, nước Câu-lưu có vị Trưởng giả tên Ma-nhân-đề sinh được người con gái nhan sắc tuyệt thế, nên đặt tên là Vô Tỷ. Vua quan, quý tộc các nước lân cận tranh nhau xin cưới hỏi. Trưởng giả đáp rằng: “Nếu có bậc quân tử dung mạo sánh ngang với con ta, ta mới bằng lòng”. Gặp khi đức Phật đang hóa độ tại đó, Trưởng giả thấy ngài có đủ ba mươi hai tướng tốt và 80 vẻ đẹp, kim thân óng ánh sắc vàng vô cùng oai nghi, trong lòng mừng rỡ bảo rằng: “Con ta đã có lứa đôi xứng đáng, chính là vị này đây!” Rồi bàn với vợ: “Ta sắp đi kén rể, mau mau trang điểm cho Vô Tỷ”. Cả nhà xúm lại lo liệu. Vô Tỷ bước đi lấp lánh châu ngọc, sáng rực cả nước. Hai ông bà đưa con đến gặp đức Phật. Người vợ thấy dấu chân của ngài in nét đẹp lêng lêng siêu thoát của bậc Thiên Tôn, nên bảo chồng rằng: “Xem văn vẻ bàn chân của vị này đúng là bậc phi phàm hiếm có. Chắc chắn ngài thanh cao vô dục. Đừng đem con đến mà mang nhục”. Trưởng giả gất lên: “Bà làm sao biết được?” người vợ nói kệ rằng:

*“Kẻ dâm đi lết gót,
Kẻ giận đi hờ bước,
Kẻ ngu đi nặng chân
Dấu chân này Trời người kính”.*

Trưởng giả gạt ngang: “Bà chẳng biết được gì! Nếu không thích, bà hãy về trước!” nói xong, Trưởng giả dắt con gái vào đánh lễ, rồi quỳ dưới chân đức Phật, thưa rằng: “Ngài chăm lo giáo hóa, thiếu người săn sóc. Tôi chỉ có đứa con gái thơ ngây, xin dâng hiến để hầu hạ ngài”. Đức Phật bảo: “Ông cho rằng con gái ông đẹp đẽ lắm sao?” Trưởng giả đáp: “Tôi xin được đứa con gái này, dung nhan tuyệt thế vô song. Các Quốc vương, quý tộc, Trưởng giả đều đến xin cưới hỏi, nhưng tôi không chịu. Trộm thấy ngài là bậc phi phàm, uy nghi rực rỡ, nên mạo muội đến xin dâng hiến”. Đức Phật bảo: “Con gái ông đẹp nhất ở chỗ nào?” Trưởng giả đáp: “Từ đầu đến chân, chỗ nào cũng đẹp”. Đức Phật bảo: “Mờ thay, mắt thịt! Từ đầu đến chân, ta không thấy chỗ nào đẹp cả. Ông hãy nhìn kỹ, trên đầu là tóc. Tóc cũng là lông. Đuôi voi đuôi ngựa đều giống như thế. Dưới tóc có sọ. Sọ cũng bằng xương. Sọ heo ngoài hàng thịt đều giống như thế. Trong sọ có não. Não lầy như sình, tanh

tao lợm mũi. Liệng xuống dưới đất, chẳng ai thích dẫm chân lên. Mắt thì mềm như ao, móc ra toàn nước. Trong mũi có nhầy, trong miệng có dãi. Trong bụng chứa gan phổi, đều là chất có nhầy, trong miệng có dãi. Trong bụng chứa gan phổi, đều là chất tanh tao. Ruột dạ, bàng quang chứa đầy phần tiểu, hôi thối vô cùng. Ổ bụng là đầy da, chứa đầy chất ô uest. Tứ chi tay chân do xương cốt chống lên nhau, gân và da ràng buộc. Chỉ nhờ hơi thở mới cử động được, như giống người máy nhờ then chốt điều khiển. Đến khi hết hoạt động, nếu cắt xẻ thân thể, từng bộ phận sẽ rời ra, tay chân sẽ vung vãi. Con người là như thế, có gì đẹp đẽ mà gọi là tuyệt thế vô song! Xưa kia, khi ta ngồi dưới gốc cây bối đa, ma vương thứ sáu cho ba cô gái tuyệt đẹp, trang điểm lộng lẫy nhất trên cõi Trời, khác hẳn con gái ông, đến đây cảm dỗ, phá hoại đạo tâm của ta. Ta liền nói ra cái dơ uest trong thân, cả ba cô gái lập tức biến thành bà lão, nhan sắc hủy hoại, không thể trẻ trung lại được, đành phải xấu hổ bỏ đi. Nay ông lại đem cái túi da dơ dáy đến đây làm gì? Hãy mau mang về, ta không nhận đâu!” Trưởng giả nghe đức Phật nói xong, mặt mày đỏ tím vì hổ thẹn, nhưng vẫn chưa chịu rút lui, còn gượng gạo bạch rằng: “Nếu ngài không chịu nhận, tôi xin đem gả cho Quốc vương Ưu-Điền, được chăng?” đức Phật im lặng, không trả lời. Trưởng giả bèn đem con gái sang gả cho Quốc vương Ưu-điền. Nhà vua hết sức vui mừng, phong làm thái phó, xây dựng cung điện, cất một ngàn nữ nhạc theo hầu Vô Tỷ. Chánh hậu của nhà vua vốn đã quy y cùng đức Phật, chứng được quả Tu-đà-hoàn. Vô Tỷ dèm pha cùng nhà vua. Bị mê hoặc, nhà vua nghe lời, đem bắn một trăm phát tên. Chánh hậu thấy tên bay đến, lòng không chút oán giận, nhất tâm niệm Phật, quỳ xuống ngược nhìn nhà vua. Tất cả trăm mũi tên đều bay quanh mình chánh hậu ba vòng, rồi dừng lại trước nhà vua. Bấy giờ, nhà vua chợt tỉnh ngộ, vô cùng buồn bã và sợ hãi, lên xe vàng do voi trắng kéo, chạy mau đến chỗ đức Phật. Dừng xe lại, cho kẻ hầu lui ra, nhà vua chấp tay bước tới quỳ mọp dưới chân đức Phật, thưa rằng: “Tôi có tội nặng, hổ thẹn với ba ngôi Tam bảo, vì bị người con gái dâm dật ấy xúi giục, đã làm điều bất chánh, bắn hàng trăm phát tên vào đệ tử của đức Phật. Việc lỡ xảy ra, lòng tôi rất lo sợ. Lòng của chánh hậu còn Từ bi đến thế, huống gì đức Phật là đáng chánh giác Vô thượng! Nay tôi xin sám hối mọi tội lỗi và quy y Tam bảo. Xin đức Phật mở lượng Từ bi tha thứ cho tôi”. Đức Phật khen rằng: “Lành thay! Nhà vua biết lỗi xin chừa! Đây là hành vi lỗi lạc của người quân tử sáng suốt. Ta chấp nhận lòng thành ấy”. Nhà vua lạy ba lạy, đức Phật đáp lễ. Bấy giờ, nhà vua lại cúi đầu sát đất xong, ngồi xuống

thưa rằng: “Xét mình bầm chất hung hăng, nóng nảy làm bậy, thiếu lòng nhân nhục, không chừa tham sân, buông lòng làm ác, mắc tay đàn bà, sợ sau khi chết đi, sẽ xuống địa ngục. Nguyên xin đức Phật xót thương, giảng giải sâu xa, thói tình ma của nữ giới. Lỡ mắc vào, ít người gỡ nổi, nếu tôi được nghe, sẽ lấy đó răn mình. Dân chúng lớn nhỏ được nghe, sẽ lấy đó đổi thay tính nết. Đức Phật bảo: “Nhà vua muốn hỏi chuyện ấy, tại sao không hỏi chuyện khác? Nhà vua năn nỉ: “Chuyện khác hôm nào sẽ bầm lên cũng không muộn. Nữ giới mê hoặc tâm ý, gây họa lớn lao. Nếu không được nghe, làm sao xa lánh? Nguyên xin đức Phật mở lượng Từ bi giải thích hình phạt ở địa ngục và sự ô uế của nữ giới”. Đức Phật bảo “Hãy nghe đây, nam giới vốn có tính xấu cuồng si, thường mơ màng dáng đẹp, tưởng nhớ lời mê, xa lìa chánh pháp; nghi ngờ chân lý, tin tưởng yêu tà. Bị lưới dục bao trùm, đắm trong tâm tối, để dục vọng sai khiến, ước hèn như tổ sợ thầy. Ham mê nữ sắc, chẳng kể đến mùi xú uế từ chín lỗ tiết ra. Dâm dục hỗn độn, như heo trong chuồng, không biết dơ dáy, còn cho là sướng thân. Không biết đến ngày sau phải chịu khổ sở trong địa ngục vô gián. Đắm đuối dâm dục, mút lấy mũi dãi, vọc lấy máu me, cho là quý báu, cho là ngọt ngào, nên mới gọi là tên nô lệ của dục vọng. Đó là thói xấu thứ nhất. Lại nữa, cha mẹ nuôi con, từ lúc mang thai sinh nở, đến khi vừa đủ lớn khôn, cực nhọc không thể nói hết. Con mới trưởng thành, đã dốc hết của cải, bôn ba chạy theo manh mối, kiếm chỗ cưới vợ. Dù ở nước khác, cũng cố tìm sang, không kể xa xôi, không ngại gian khổ, chỉ cốt lo thỏa mãn dâm dục, bỏ quên cha mẹ già nua. Khi cưới được vợ, quý như vàng ngọc, chỉ biết vui thú hoan lạc, đâm ra chán ghét mẹ cha. Tin theo lời vợ ranh ma xúi giục, có khi còn tranh giành kiện tụng lại mẹ cha, không nghĩ đến người đã sinh thành cực khổ, phụ bạc luôn cả ơn dưỡng dục bao la. Đó là thói xấu thứ hai. Lại nữa, người sống trên đời, gian lao vất vả mới kiếm được của tiền, vốn có thành tâm vững tin vào đạo, tôn trọng Tăng già, biết lễ vô thường, bố thí làm phước. Sau khi lấy vợ, mãi miết dâm dục, trở nên u mê, bỏ chân lý chạy theo gian tà, nữ nhắm mắt nghe theo lời vợ. Vừa máy lòng bố thí, sắp mở miệng nói ra, liền bị nữ sắc che lấp, đến nỗi tiêu tan cả hạnh thanh tịnh, rốt cuộc bị trói buộc thành kẻ yếu hèn. Không biết đến trọng giới trong kinh, không biết đến cứu cánh họa phước. Nếu bị dục vọng sai khiến đến thế, sẽ mắc phải lưới tội lỗi, chắc chắn sẽ bị đọa vào đường ác, không thể sai khác được. Đó là thói xấu thứ ba. Lại nữa, làm người con có hiếu, không nghĩ đến ơn sâu, kiếm được của tiền, không đem nuôi dưỡng cha mẹ, chỉ hăm hở chạy theo dục

lạc. Dem cửa cải dụ dỗ vợ con người, có khi giết cả dê bò để cúng tế Dâm thần. Bày tiệc ca múa, tụ tập gái trai, vui chơi thỏa thích, suốt ngày thâu đêm. Mượn tiếng cầu phúc, cốt để che đậy thói dâm. Khi đã say sưa, tìm cách hẹn hò mời mọc. Chọn được lứa đôi vừa ý, mê man say đắm không rời. Chìm trong hoan lạc, không thiết gì đời, chỉ ham dâm dục, không kể đến uest, không lo sợ địa ngục khổ sở. Thật đáng nực cười, thật đáng chua xót! Khác gì kẻ điên cuồng không phân biệt được phải trái. Đó là thói xấu thứ tư. Nam giới mang bốn thói xấu này cũng đủ vào ba đường ác. Cần phải suy xét kỹ để tránh xa, mới mong giải thoát đau khổ. Nhân đây, hãy nghe ta nói kệ về tật xấu của nữ giới:

*“Bị dục vọng sai khiến,
Phóng dăng không thanh thản,
Gần gũi với bất chánh,
Sao gọi là hiền nhân?
Dâm là thói súc sinh,
Dâm là cách tự sát.
Giòi rúc giữa hôi hám,
Không biết là khổ nạn.
Như giòi rúc trong phân,
Không biết đâu tây đông,
Mãi miết theo thói dục,
Tối tăm chẳng khác giòi!
Dâm dục không thấy đạo,
Đêm ngày gieo mầm ác.
Hiện tại, vua tôi loạn.
Dưới trên đều hắc ám.
Pháp luật đã rối ren,
Chính trị lại hà khắc.
Nông dân bỏ cơ nghiệp,
Thương gia cũng đảo điên.
Kiếp này bị tù đày,
Kiếp sau đọa địa ngục,
Chịu đủ trăm thứ khổ,
Đớn đau không thể tả,
Đồng sôi rót vào miệng,
Xe núi xé nát thân.
Hình phạt đủ trăm thức,*

Không thể kể rõ ràng.
Ở giữa ba đường ác
Xoay chuyển như bánh xe.
Dù có Phật xuất thế,
Chẳng nghe được danh hiệu.
Nữ giới thật độc ác,
Không thể hết đời bạn.
Ân ái cột một dây,
Kéo nhau vào cửa tội.
Nữ giới có gì đẹp?
Chỉ toàn là dơ dáy.
Sao chẳng tin điều ấy,
Lại điên cuồng đắm say?
Trong bụng đầy ô uế,
Ngoài da trát phấn son.
Lại còn chứa nọc độc
Của loài rắn và rồng.
Giống mũi lao phủ gắm,
Giống dao bén bọc lụa,
Kẻ ngu thấy vỏ đẹp,
Mân mê thử mó vào.
Người khôn sớm lìa bỏ,
Kẻ si bị tử thương.
Dâm dục cũng như thế,
Chơi dao phải thiệt thân.
Thấy mới liền nói cũ,
Sở thích vốn bất thường.
Lời ngọt là dao cắt,
Cười xinh là gai đâm.
Trong dơ uế, nọc độc;
Ngoài phủ hoa với hương.
Kẻ ngu thấy mừng rỡ,
Không nghĩ đến tai ương,
Giống như uống độc được,
Pha vị ngọt cam lồ.
Kẻ ngu mê vị ngọt,
Uống vào sẽ chết lẩn.
Cũng giống củi bắt lửa,

Cây cỏ nhiễm sương muối,
 Đụng nhằm đều hủy hoại,
 Thật là điềm bất tường.
 Nữ giới độc địa hơn,
 Không thể nhận ra nổi.
 Thấy da, không thấy ruột.
 Nên mắc thói dâm dục.
 Thân xác thật dễ nhìn,
 Kẻ si tiếc không bỏ.
 Bỏ dục mới vào đạo,
 Bỏ đạo dễ như bỡn.
 Tính người vốn thanh tịnh,
 Như cá ở vực sâu.
 Lưới giăng đầy bốn phía,
 Mắc phải hết đường về.
 Lưới dục dữ hơn nữa,
 Nói dục dữ hơn nữa,
 Nói kết rất kiên cố.
 Người khôn nhận biết rõ,
 Có thể thoát ra được,
 Giống như khỉ, vượn dúi
 Nhìn thấy trái chín ngọt,
 Lao đến mặc gai góc,
 Chắc chắn sẽ té ngã.
 Giống như cá mắc câu,
 Thiêu thân bay vào đèn,
 Ôm lửa nhảy vào dục,
 Không nghĩ đến hậu họa”.

Khi đức Phật nói kệ vừa xong, vua Ưu-điền vô cùng hoan hỷ, cúi đầu xuống sát đất thưa rằng: “Suốt đời, tôi chưa từng nghe thói xấu của nữ giới rõ ràng đến thế. Nam giới bông bột theo đuổi đến nỗi rơi vào tội lỗi. Nếu không biết rõ, không thể chế ngự được tâm ý. Từ nay, tôi xin sám hối, quy y Tam bảo, không dám phạm tội nữa”. Nhà vua đành lễ đức Phật rồi vui mừng trở về”.

Sách thế gian nói: “Đức Khổng tử cho rằng khó chăm sóc bạn tiểu nhân và nữ giới, vì gần gũi bọn họ sẽ khinh lờn, xa cách thì bọn họ sẽ hờn oán”. Thế nên, kinh Phật bảo: “Nữ giới tinh ma, có tám mươi bốn thói xấu. Trong đó, có tám thói xấu lớn nhất mà kẻ sáng suốt rất ghét.

Thứ nhất là ghen tuông, thứ hai là giận bậy, thứ ba là bôi nhọ, thứ tư là bùa chú, thứ năm là trấn yếm, thứ sáu là bủn xỉn, thứ bảy là ham trang sức, thứ tám là tham lam độc ác. Vì thế, nữ giới chất chứa nhiều gian tà. Cầu mong bọn họ bỏ hết thói xấu, tìm về chánh pháp, sớm được xuất gia để độ mình và độ hết mọi người.

Lại nữa, luận Trí-độ nói rằng: “Tính nết nữ giới, nếu được yêu kính sẽ để chồng có tâm trạng thanh thoi, nếu hết được yêu kính, sẽ khiến chồng rơi vào tâm trạng lo âu sợ sệt. Bản chất nữ giới như thế, luôn luôn mang lại phiền não bức dọc cho người, làm sao có thể thân thiết gần gũi được? Như kinh có nói, vị Quốc vương nọ có công chúa tên Câu-mâu-đầu. Bấy giờ, có ngư phủ tên Thuật-ba-già đi đường, thấy bóng dáng công chúa tha thướt sau rèm cửa trên lầu cao, đâm ra si mê thương nhớ, không chút nào quên. Nỗi tương tư chồng chất ngày một nặng, đến bỏ ngủ quên ăn. Người mẹ lo lắng, dò hỏi nguồn cơn, ngư phủ đem thú thật cùng mẹ, lỡ thương công chúa, thành bệnh tương tư. Mẹ bảo: “Con mang phận hèn, công chúa là bậc tôn quý, không thể nào được!” Ngư dân đáp: “Lòng con mê say, nếu không toại nguyện, chắc con chết mất!” Vì quá thương con, người mẹ thường đem cá ngon chim béo vào cung, dâng cho công chúa, không chịu nhận tiền. Công chúa lấy làm lạ, hỏi rằng: “Người muốn xin điều gì?” người mẹ thưa: “Xin công chúa cho thị tỳ lui ra, tôi sẽ xin bẩm rõ sự tình”. Công chúa bằng lòng. Người mẹ thưa tiếp: “Tôi chỉ có một đứa con trai. Vì quá ái mộ công chúa, u uất thành bệnh nặng, sắp chết đến nơi. Nguyện xin công chúa thương xót cứu vớt cho con tôi được sống”. Công chúa đáp rằng: “Bà hãy yên tâm về đi, nhớ dặn con bà vào hôm rằm, đứng chờ ta sau lưng tượng thần trong đền Thiên từ. Người mẹ mừng rỡ chạy về báo tin cho con hay ước vọng đã thành, rồi đem kể lại đầu đuôi chuyện gặp gỡ công chúa. Đến ngày, ngư phủ tắm gội, thay quần áo mới đến chờ sau lưng tượng thần. Hôm ấy, công chúa vào bái cùng phụ vương rằng: “Con gặp chuyện không tốt, xin phép đến đền Thiên Từ cầu phúc”. Nhà vua phán: “Rất hay!” Rồi truyền cho năm trăm cỗ xe đưa công chúa đến đền. Công chúa cho kẻ hầu sắp hàng đứng chờ ngoài cửa, một mình bước vào. Thiên thần nghĩ rằng không thể để yên như thế. Công chúa là bậc tín nữ tôn quý, không thể để kẻ hèn hạ xâm phạm đến, liền làm phép cho ngư phủ ngủ say. Công chúa đến bên, thấy chàng ta ngủ mê man, lay mãi không tỉnh, bèn cởi chuỗi anh lạc đáng giá mười vạn lượng ban cho rồi ra về. Khi ngư phủ thức dậy, thấy có chuỗi ngọc quý, hỏi thăm mọi người, biết công chúa có đến, không được thỏa lòng, ngư

phủ đầu đốn, u uất, hơn nữa, đục tình bưng lên, không thể dập tắt, đành tự thiêu mà chết. Do đó, có thể thấy rằng tâm ý nữ giới chỉ buông thả theo dục vọng, không kể sang hèn.

Lại nữa, luận Tát-bà-đa nói rằng: “Thà đem thân làm mồi trong miệng rắn độc, còn hơn đụng chạm vào nữ giới. Rắn độc có ba sự hại người:

- 1/ Thấy người mà làm hại,
- 2/ Do bị chạm phải mà làm hại,
- 3/ Ngoạm vào mà làm hại.

Nữ giới cũng có ba cái hại người: nếu thấy nữ giới, phát động lòng dục, sẽ bị hủy hoại các thiện pháp. Nếu đụng chạm vào nữ giới, thân sẽ phạm vào tội trung bình, hủy hoại các thiện pháp. Nếu cùng nữ giới giao hoan, sẽ phạm vào tội trọng, hủy hoại các thiện pháp. Ngoài ra, còn có 7 cái hại khác nữa:

1/ Nếu bị rắn độc cắn, chỉ hại thân này. Nếu bị nữ giới làm hại, sẽ bị hại vô số thân.

2/ Nếu bị rắn độc cắn, chỉ hại đến thân vô ký. Nếu bị nữ giới làm hại, sẽ bị hại mất thiện pháp thân.

3/ Nếu bị rắn độc cắn, chỉ làm hại ngũ thức căn. Nếu bị nữ giới làm hại, sẽ bị hại mất lục thức thân.

4/ Nếu bị rắn độc cắn, vẫn còn được gia nhập vào tịnh chúng. Nếu bị nữ giới làm hại, sẽ không được đứng vào hàng ngũ Tăng già.

5/ Nếu bị rắn độc cắn, vẫn được sinh lên các cõi Trời người, được gặp gỡ các Thánh Tăng, nếu bị nữ giới làm hại, sẽ bị đọa vào ba đường ác.

6/ Nếu bị rắn độc cắn, vẫn chứng được bốn quả Sa-môn. Nếu bị rắn độc cắn, sẽ không thành tựu được bát chánh đạo.

7/ Nếu bị rắn độc cắn, sẽ được mọi người thương xót cứu giúp. Nếu bị nữ giới làm hại, sẽ bị mọi người cùng xua đuổi, không được yêu thích nữa. Vì thế, thà đem thân làm mồi trong miệng rắn độc, còn hơn đụng chạm vào nữ giới”.

Lại nữa, kinh Tăng-nhất A-hàm nói: “Nữ giới cậy vào năm thế lực để coi thường chồng:

- 1/ Thế lực của sắc đẹp
- 2/ Thế lực của gia tộc
- 3/ Thế lực của điền sản
- 4/ Thế lực của con cái.
- 5/ Thế lực tự giữ mình.

Người chồng chỉ có một thế lực để áp đảo vợ, ấy là thế lực của giàu sang. Nay ma vương Ba-tuần cũng có năm thế lực, ấy là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Kẻ ngu si gặp phải năm thế lực này, không thể vượt khỏi, nếu các Thánh Tăng và chư đệ tử thành tựu được một thế lực không phóng dăng, sẽ không bị các thế lực ấy ràng buộc, mới có thể phân biệt được các pháp sinh, lão, bệnh, tử, thoát được các thế lực cám dỗ của ma vương, không đọa vào ma cảnh, đạt đến cảnh giới tịch diệt”.

Rồi đức Phật nói kệ rằng:

*“Giới luật là đường giải thoát,
Phóng dăng là đường táng thân.
Không tham lam nên không chết,
Lạc đường sẽ bị táng thân”.*

Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nữ giới có 5 khát vọng:

- 1/ Sinh vào nhà giàu sang
- 2/ Được gả về nhà giàu sang.
- 3/ Được chồng nhất nhất nghe lời.
- 4/ Có nhiều con cái.
- 5/ Hoàn toàn làm chủ gia đình.

Đó là năm khát vọng của nữ giới”.

Lại nữa, kinh Đại-uy-đức-đà-la-ni nói rằng: “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Không thể đem một giọt nước nhỏ xuống sa mạc lớn, khiến cho thấm ướt cả sa mạc và thấm xuống lớp đất phía dưới, giống như một người nữ không cảm thấy thỏa mãn hoàn toàn khi thọ dục với hàng nghìn người chồng. Nữ giới có ba điều không cảm thấy đầy đủ:

- 1/ Trang sức
- 2/ Thọ dục với chồng,
- 3/ lời nói dịu ngọt.

Này A-nan! Nữ giới có năm loại giòi độc mà nam giới không có, năm loại giòi này ở trong âm đạo. Có một loại khoảng tám ngàn con, mỗi con có hai đầu nhọn như mũi kim, thường châm chích ăn thịt ở đó, khiến nữ giới ngứa đi lại không yên. Do nghiệp báo nặng nhẹ, các dâm phụ bị kích thích khác nhau, phải nhón chân đi kiếm nam giới, khao khát không biết chán chường. Nếu gặp được, liền buông lời ngon ngọt, mắt nhìn đi nhìn lại tha thiết, lòng mở màng thú nhục dục, mặt ngược lên như muốn chụp lấy, răng cắn chặt môi dưới. Thần sắc hóa ra tím tái, lửa dục bốc lên bừng bừng, trên trán ướt đầm mồ hôi. Nếu đã ngồi xuống, sẽ không chịu đứng lên. Nếu đã đứng lên, sẽ không chịu

ngồi xuống nữa. Chết sững như cây trồng, mân mê hai tay. Có khi bước tới vài bước, đảo mắt tìm kiếm hai bên, có khi đứng ở ngưỡng cửa, chờ đản thờ dài, uốn éo lượn lờ. Một tay vén áo, một tay vuốt đùi, rồi cắn móng tay, chọc răng, vuốt gáy, xoạc chân ra, hoặc chọc cho con khóc la, lê chân đi tới, đưa mắt tìm quanh. Ấy là những biểu hiện cho biết nữ giới đang cơn bộc phát dục tình. Cần phải dứt bỏ, chán chường, đừng để bị hoành hành, khuấy động trong tâm thức đen tối xấu xa.”

Lại nữa, trong kinh Chánh Pháp-Niệm, Thiên Điều nói kệ cùng chư Thiên rằng:

*“Phụ nữ không là bạn,
Như đèn sáng không ngừng,
Phụ nữ thường oán hận,
Như khắc sâu vào đá.
Dẫu gần gũi kẻ giàu,
Hết của, liền chán ghét.
Có của, phụ nữ thân,
Hết của, phụ nữ bỏ,
Có tiền mới cúng dường,
Làm đủ thứ công đức.
Lòng dạ như lửa đỏ,
Không thể đưa tay bắt.
Nam giới rất chịu chuộng
Theo hết mọi ước muốn
Tuy thế, bọn phụ nữ
Vẫn nói dối nam giới.
Như rắn đậy hoa lên,
Như tro vùi than đỏ,
Sắc đẹp che độc ác,
Phụ nữ cũng như thế,
Giống hệt thấy cây độc,
Đẹp mắt, nhưng không lành.
Phụ nữ như hoa độc,
Người khôn phải lánh xa.”*

Lại nữa, kinh A-hàm-khẩu-giải-thập-nhị-nhân-duyên nói: “Có vị A-la-hán dùng thiên nhãn quan sát, thấy nữ giới bị đọa vào địa ngục rất nhiều, bèn hỏi nguyên nhân. Đức Phật đáp: “Vì bốn nguyên nhân:

- 1/ Do tham lam châu báu để che đậy dục vọng vô bờ,
- 2 /Do ghen ghét nhau,

3/ Do nhiều miệng lưỡi. 4/ Do ý dâm rất nhiều.

Vì nghiệp nhân ấy, nên nữ giới đa số bị đọa vào địa ngục”. Tụng rằng:

Ngũ dục quấy tinh thần, Lục tặc loạn sắc tâm.

Lửa mê thổi tình dục, Lưỡi yêu bủa kín lòng. Vàng nấu cũng phai sắc, Đá mài chẳng nát gan, Đuổi hình bắt bóng mãi, Muôn kiếp chỉ hoài công!

